

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký
Phần 6

佛說阿彌陀經要解講記

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch kinh,
姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa-môn Tây Hữu Ngẫu Ích Trí Húc chú giải vào đời Thanh,
清西有沙門蕩益智旭解

Pháp sư Tịnh Không giảng thuật
淨空法師講述

Cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi chép
劉承符居士記

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong & Vạn Từ

(Giải) Tạng Đạo Phẩm, danh bán tự pháp môn. Tịnh Độ trước khinh, tự bất tất dụng, vì Tiểu chủng tiên thực giả, hoặc tạm dụng chi. Thông Đạo Phẩm, danh Đại Thừa sơ môn, tam thừa cộng bản, Đồng Cư Tịnh Độ đa thuyết chi. Biệt Đạo Phẩm, danh độc Bồ Tát pháp, Đồng Cư, Phương Tiện độ đa thuyết chi. Viên Đạo Phẩm, danh vô thượng Phật pháp, hữu lợi căn giả, u tứ Tịnh Độ, giai đắc văn dã.

(解)藏道品。名半字法門。淨土濁輕。似不必用。為小種先熟者。或暫用之。通道品。名大乘初門。三乘共稟。同居淨土多說之。別道品。名獨菩薩法。同居方便淨土多說之。圓道品。名無上佛法。有利根者。於四淨土。皆得聞也。

(Giải: Đạo phẩm của Tạng Giáo gọi là bán tự pháp môn. Trong Tịnh Độ trước ác nhẹ nhàng, nên hầu như không cần phải dùng đến, nhưng vì người căn cơ Tiểu Thừa đã quen nghe từ trước nên tạm dùng đến. Đạo phẩm của Thông Giáo, gọi là Đại Thừa sơ môn, ba thừa cùng vâng nhận, trong Đồng Cư Tịnh Độ thường nói nhiều về đạo phẩm này. Đạo phẩm của Biệt Giáo, gọi là pháp dành riêng cho Bồ Tát, được nói nhiều trong hai cõi Tịnh Độ Đồng Cư và Phương Tiện. Đạo phẩm của Viên Giáo, gọi là Phật pháp vô thượng, kẻ có lợi căn ở trong bốn cõi ấy sẽ đều được nghe nói tới).

“Bán tự pháp môn” là nói tỷ dụ, “bán” (半: một nửa) là chưa viên mãn. Tạng Giáo chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chưa hoàn toàn [đoạn phiền não] viên mãn vì chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Tây Phương Tịnh Độ vốn không có Ngũ Trược; ngay trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, hiện tượng Ngũ Trược hết sức nhẹ ít, có thể chẳng cần dùng đến bốn thứ đạo phẩm ấy. Chỉ vì người căn tánh Tiểu Thừa phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ mà thiện tri thức dùng bốn thứ đạo phẩm ấy [để thuyết pháp] hồng xứng hợp với căn tánh của những người ấy, khiến

họ sanh tâm hoan hỷ nên có thể tạm thời dùng đến. Nếu chẳng phải là căn tánh Tiểu Thừa, không cần phải dùng đến phương pháp này.

Đạo phẩm của Thông Giáo gọi là “*Đại Thừa sơ môn*” (môn đầu tiên của Đại Thừa), cả ba thừa cùng vãng nhận, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều phải tu học. Đây là khoa mục phổ thông thừa nào cũng phải tu. Đồng Cư Tịnh Độ là chỗ chúng sanh đởi nghiệp vãng sanh ở. [Những người đởi nghiệp vãng sanh] chưa đoạn Kiến Tư phiền não, chỉ do công phu niệm Phật đắc lực, có thể khuất phục phiền não [mà được vãng sanh]. Vì thế, đạo phẩm của Thông Giáo là môn tu học tất yếu nhằm giúp cho họ thấu triệt lý luận và phương pháp.

Đạo phẩm của Biệt Giáo gọi là “*độc Bồ Tát pháp*”, tức là pháp dành riêng cho Đại Thừa Bồ Tát, không phải dành cho cả ba thừa cùng tu. Hàng Bồ Tát trong cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện có những vị chuyên tu môn học này, nhưng hàng Bồ Tát trong Thật Báo và Thường Tịch Quang hoàn toàn chẳng cần đến đạo phẩm của Biệt Giáo.

Đạo phẩm của Viên Giáo gọi là “*vô thượng Phật pháp*”. Trong kinh Đại Thừa thường nói đức Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loài đều hiểu. Âm thanh thuyết pháp của đức Phật gọi là “*viên âm*”. Bốn hạng hành nhân khác nhau nghe đức Phật thuyết pháp cùng một lúc, nhưng người Tiểu Thừa được lợi ích nơi Tiểu Thừa, cho đến người Viên Giáo được lợi ích nơi Viên Giáo. Tình huống này chẳng khó hiểu cho lắm. Ví như trong trường học, thầy giảng bài, học trò mỗi đứa hiểu khác nhau. Đạo phẩm trong Viên Giáo là vô thượng Phật pháp, bất luận ở cõi nào cũng đều nghe được, vì Tây Phương thế giới bốn cõi viên dung. Hết thầy kinh luận khen ngợi Tây Phương thế giới đều chuyên khen ngợi điều này. Hết thầy các thế giới Phật cũng đều có bốn cõi, nhưng chẳng viên dung; chẳng hạn như đạo phẩm của Viên Giáo thì chỉ tại cõi Tịch Quang và Thật Báo là có thể nghe được. Đây chính là tình hình nơi các thế giới khác. Trong Tây Phương thế giới, người căn tánh Viên Giáo sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương cũng có thể nghe vô thượng Phật pháp. Lúc đức Phật Thích Ca mới thành đạo, giảng kinh Hoa Nghiêm, đây cũng là đạo phẩm trong Viên Giáo. Khi Ngài thuyết pháp dưới cội Bồ Đề thì có hai thuyết: Một là đức Phật thuyết pháp trong mười bốn ngày, thuyết kia bảo đức Phật thuyết pháp trong hai mươi một ngày, giảng cho bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, giảng Hoa Nghiêm trong Định, náo nhiệt phi phạm, nhưng phạm phu chỉ thấy Phật tịnh tọa trên đụn cỏ dưới gốc Bồ Đề, chúng sanh chẳng có phần. Người Tiểu Thừa chấp trước sự tướng bèn nói “Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói”. Sau khi Phật diệt độ sáu trăm năm thì Long Thọ Bồ Tát lấy kinh Hoa Nghiêm từ long cung ra. Con người hiện thời chẳng chấp nhận [điều này], cho rằng tìm thủy đình (tàu ngầm) cả Bắc Cực lẫn Nam Cực đều đã tới, mà chẳng tìm thấy long cung. Con người hiện thời đều biết là có quý, quý và người sống lẫn lộn với nhau, nhưng con người chẳng thấy được quý, vì chúng ta sống trong không gian ba chiều, còn bọn họ sống trong không gian nhiều chiều (đa duy không gian: multi-dimensional space). Phật có thể tùy loại hóa thân, cũng có thể biến hiện sáu trần thuyết pháp,

đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra. Đối với tình huống này, trong kinh đã nói là nếu dùng tâm sanh diệt để dò lường biển Viên Giác, quyết chẳng có lẽ ấy!

Trong bốn cõi Tịnh Độ, tại cõi Phạm Thánh Đồng Cư, kinh điển của tứ giáo đều có. Tại long cung, Long Thọ Bồ Tát thấy kinh Hoa Nghiêm số lượng lớn đến nỗi địa cầu không có cách nào chứa đựng được. Trung bản Hoa Nghiêm cũng lớn, Bồ Tát chỉ lấy “hạ bản” (bản nhỏ nhất). Bản nhỏ nhất là toát yếu. Kinh truyền đến Trung Quốc, chỉ dịch được một nửa nguyên văn, hoàn toàn chẳng phải là hạ bản nguyên gốc. Kinh Hoa Nghiêm nguyên văn có mười vạn bài kệ¹, quý vị muốn biết tường tận có thể tham khảo Long Thọ Truyện, Ngài là tổ sư của tám tông phái.

(Giải) “Như thị đẳng pháp” giả, đẳng tiền Niệm Xứ, Chánh Cần, Như Ý Túc, đẳng dư Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng pháp môn dã.

(解) 如是等法者。等前念處正勤。如意足。等餘四攝六度。十力無畏。無量法門也。

(Giải: “Những pháp giống như vậy” nghĩa là những pháp giống như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc trong phần trước và những pháp khác như Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng pháp môn).

Kinh văn có một chữ “đẳng” (等) bao gồm tất cả pháp môn Đại Thừa và Tiểu Thừa. Trong ba khoa ở phần trước, kinh văn không nói đến Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, trong phần trên, tôi đã giới thiệu và trong vô lượng pháp môn khác [Ngẫu Ích đại sư] cũng nêu đại lược mấy thứ.

“Tứ Nhiếp” là nhiếp thụ chúng sanh, cũng có nghĩa là “tiếp dẫn chúng sanh”: Thứ nhất là Bố Thí, thứ hai là Ái Ngữ, thứ ba là Lợi Hành, thứ tư là Đồng Sự.

Bố Thí là ban ân huệ cho chúng sanh, cảm tình dần dần sâu đậm, rồi lại giới thiệu Phật pháp cho họ biết, họ sẽ dễ dàng tiếp nhận, cũng là ý nghĩa “*tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí*” (trước hết dùng dục để lôi kéo, sau làm cho họ nhập Phật trí). Thoạt đầu, tôi thờ Chương Gia đại sư làm thầy để học Phật, Ngài hết sức quan tâm tới bọn người mới học Phật chúng tôi, Ngài liền sử dụng Tứ Nhiếp Pháp. Ngài sống ở nhà số 8 đường Thanh Điền, Đài Bắc, bảo tôi mỗi Chủ Nhật đến nhà Ngài. Nếu có một hai lần tôi không tới, Ngài liền sai người đi hỏi thăm xem vì sao tôi không tới. Hỏi thăm như vậy, tôi chẳng thể không tới.

Thứ hai là Ái Ngữ, đối với học sinh nói lời yêu thương quan tâm chân thành khiến cho người nghe cảm động sâu sắc.

Thứ ba là Lợi Hành, Lợi là lợi ích. Người đời rất coi trọng lợi. Nếu có chỗ nào tốt đẹp, ắt sẽ bằng lòng vâng theo lời dạy bảo.

¹ Kệ: Kệ là đơn vị đo phân lượng của một văn bản theo truyền thống Cổ Ấn Độ. Cứ bốn câu, không cần biết dài ngắn như thế nào thì gọi là một Kệ. Chữ Kệ ở đây không có nghĩa là kệ tụng như ta thường hiểu.

Thứ tư là Đồng Sự. Ba thứ trước dễ làm, môn thứ tư là Đồng Sự [đòi hỏi] chính mình phải có trí huệ cao độ và định lực rất sâu. Nếu không, ắt sẽ thất bại. Như có người nào đó thích đánhạt chược², liền cùng chơi ạt chược với kẻ ấy. Đây là hành vi của bậc đại Bồ Tát. Đồng Sự là phương thức tiếp dẫn chúng sanh tối cao.

Lục Độ là hạnh pháp của Bồ Tát, trong phần trước chúng ta đã đọc qua rồi.

“*Bồ Tát*” là chúng sanh đã giác ngộ. Dịch theo lời cổ là “*đại đạo tâm chúng sanh*”, dịch theo lời mới (tức lời dịch theo quy cách, khuôn phép của ngài Huyền Trang) thì là “*giác hữu tình*”. Phật không có tình, tình hoàn toàn biến thành trí huệ. Trong Phật pháp Đại Thừa, trí và tình là một, hễ giác ngộ thì tình biến thành trí huệ, còn mê thì trí huệ biến thành tình thức. Bậc giác ngộ xử thế, đãi người, tiếp vật, nhất định tuân hành Lục Độ. Độ (度) có ý nghĩa là chúng ta từ bờ sanh tử luân hồi bên này vượt sang bờ Đại Niết Bàn bất sanh bất diệt bên kia, còn gọi là “*siêu phàm nhập thánh*”. Điều thứ nhất trong sáu điều này là Bồ Thí, có cùng tên gọi với Bồ Thí trong Tứ Nhiếp Pháp, nhưng ý nghĩa khác biệt. Bồ Thí trong Tứ Nhiếp Pháp nhằm kết thiện duyên với người khác, Bồ Thí trong Lục Độ của Bồ Tát nhằm độ chính mình. Quý vị nên biết cái gốc của phiền não là keo kiệt tham lam. Phiền não vô lượng vô biên, quy nạp thành tám vạn bốn ngàn [loại phiền não], Thiên Thân Bồ Tát quy nạp chúng thành hai mươi sáu loại lớn. Trong ấy có sáu Căn Bản Phiền Não và hai mươi Tùy Phiền Não³. Nếu đơn giản hóa thì

² Mạt Chược, hoặc còn gọi là Mạt Chược (đây là chữ Ma Tước (麻雀) trong tiếng Hán đọc theo giọng Quảng Đông, người Hoa hiện thời lại thường gọi môn cờ này là Ma Tướng 麻將 nên Âu Mỹ thường gọi nó là Ma-jong) là một loại cờ với lối chơi phức tạp, khá tốn thời gian và khá tốn kém để sắm một bộ bài và bàn chơi. Mạt Chược của người Hoa thường từ 144 đến 152 quân, người Việt sử dụng đến 160 quân. Mỗi quân cờ có hình khối vuông thường làm bằng ngà hoặc nhựa đúc cứng, khắc hoa lá và tên quân bài, thường phải chơi từ bốn đến sáu người. Tuy vay mượn từ Trung Hoa, lối chơi bài Mạt Chược của người Việt phức tạp và trang trọng hơn rất nhiều, phải có một cái bàn to phủ ni xanh đóng riêng cho bài Mạt Chược để chơi nên hầu như Mạt Chược chỉ thông dụng trong một số ít những người có của ăn của để. Theo lối chơi của người Việt, một bộ bài Mạt Chược được chia thành “bài nạc” (gồm quân Sách (có vẽ hình chim sê), Vạn (từ nhất vạn tới cửu vạn), Văn (vẽ những vòng tròn nhỏ, tượng trưng cho đồng xu), Tài Phao (Đông, Nam, Tây, Bắc và Trung Phát Bạch) và bài Khung (là những con bài đại diện cho những con bài khác, gồm Khung Xanh (Tổng, Thùng, Soọc, Mản), và Khung Đỏ (Hoa, Hỷ, Nguyên, Hợp), Tứ Hoa, Tứ Quý, Tứ Hoàng và Tứ Hậu. Trong bài Mạt Chược của người Hoa, quân bài được chia thành Vạn (cũng gồm chín con Vạn), Bính (hoặc Đồng Tử, tương ứng con Văn của người Việt), Điều (hoặc Sách Tử, tương ứng con Sách), Phong Bài (Đông, Tây, Nam, Bắc, tương ứng với quân Tài Phao), Tứ Hoa, Tứ Quý và Tiền Bài (Trung Phát Bạch), không hề có bộ Khung. Cách chơi cũng đơn giản hơn lối xoa Mạt Chược của người Việt rất nhiều.

³ Căn Bản Phiền Não (Mūla-klesā) gồm tham, sân, si, mạn, kiến, nghi. Nếu nói chi tiết thì Kiến lại tách ra thành năm thứ (Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến) và gọi chung là Ngũ Lợi Sử, năm loại phiền não còn lại được gọi chung là Ngũ Độn Sử. Ngũ Độn Sử và Ngũ Lợi Sử lại được gọi chung là Thập Tùy Miên.

Tùy Phiền Não (Upaklesā), còn gọi là Tùy Hoặc hay Chi Mạt Phiền Não gồm ba tiểu loại: Đại Phiền Não Pháp Địa (phóng dật, giải đãi, bất tín, hôn trầm, trạo cử, thất niệm, tán loạn), Đại

sáu món Căn Bản Thiền Nã đến cuối cùng quy nạp thành Tam Độc Thiền Nã, tức tham, sân, si. Lục Độ nhằm độ tham, sân, si; Đại Thừa đoạn phiền não cao minh hơn Tiểu Thừa nhiều lắm. Bồ Thí nhằm độ keo tham; Tam Độc Thiền Nã đến cuối cùng quy nạp thành một món là Tham. Phương pháp tu học của Bồ Tát không có gì khác cả, chỉ có một pháp Bồ Thí mà thôi! Bồ Thí chính là Xả, cũng có nghĩa là buông xuống. Nếu chẳng chịu buông xuống, tâm chẳng thanh tịnh, tạo thành chướng ngại. Pháp Đại Thừa nói Bồ Tát có năm mươi một cấp bậc, tức là căn cứ trên mức độ buông xuống nhiều hay ít mà phân chia thành tầng cấp. Buông xuống nhiều thì địa vị nâng cao, ngược lại sẽ thấp xuống, chỉ có vậy mà thôi! Chúng ta rất ráo là phàm phu, tập khí phiền não do vô lượng kiếp dưỡng thành, trọn chẳng phải một sáng một chiều mà có thể trừ hết được! Do vậy, thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, quả thật khó lắm, nhưng khó cũng phải làm. Lại còn phải thực hiện từ chỗ khó buông xuống nhất.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi trước hết hãy bỏ thí vật gì tôi ưa thích nhất. Tôi mê sách vở, cũng rất keo kiệt, chẳng chịu cho ai mượn. Về sau, dần dần tặng sách cũ cho người khác, sách mới giữ lại để mình dùng. Đến khi tôi tặng hết sạch sách vở rồi thì nhân duyên xuất gia của tôi cũng chín muồi. Thoạt đầu, Chương Gia đại sư dạy tôi sáu chữ, bảo tôi hãy học cho thật tốt đẹp trong sáu năm. Sáu chữ ấy là “*thấy thấu suốt, buông xuống được*”. Tôi lại hỏi Ngài thực hiện bằng cách nào, Ngài nói: “*Hãy bắt đầu bằng Bồ Thí*”.

Bồ Thí thông thường chia thành ba loại lớn: Thứ nhất là Tài Bồ Thí, thứ hai là Pháp Bồ Thí, thứ ba là Vô Úy Bồ Thí. Tiền bạc và hết thảy vật chất thuộc về Tài, chính là thứ hết thảy chúng sanh tham cầu. Người đời cầu của cải, nhưng chẳng biết của cải do đâu mà có. Nói thật ra, trong một đời có bao nhiêu của cải đều do số mạng định sẵn. Sách Liễu Phàm Tứ Huân giảng điều này cặn kẽ nhất. Đã là do số mạng định sẵn thì muốn cầu nhiều cũng chẳng cầu được, chẳng cầu cũng tự nhiên đưa tới. Tiên sinh Viên Liễu Phàm được Khổng lão tiên sinh ở Vân Nam tiên đoán những điều tốt xấu suốt cả đời, thoạt đầu, chuyện gì cũng đều ứng nghiệm. Vì thế, ông Viên trong tâm an định, chẳng còn mong cầu chi nữa; về sau, ngồi đối diện với thiền sư Vân Cốc suốt ba ngày ba đêm chẳng khởi ý niệm nào. Vân Cốc hỏi ông ta dụng công như thế nào. Ông ta nói: “Vận mạng của tôi đã được Khổng lão tiên sinh đoán định, khởi vọng tưởng cũng chẳng có ích gì!” Vân Cốc nghe xong, cười ha hả, bảo: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, nhưng ông vẫn là một gã phàm phu”. Do vậy, Sư dạy ông ta cách cải tạo vận mạng: Tu phước, tu đức như thế nào, ông ta đều nhất nhất tuân theo, thực hành sát rạt lời chỉ giáo. Về sau, những sự kiện tình huống trong đời Viên Liễu Phàm khác biệt rất lớn với lời tiên đoán của cụ Khổng. Tôi trong một đời này của cải chẳng nhiều, sống tiết kiệm, hễ dư dả đều tận hết sức bố thí, càng bố thí thì của cải đạt được càng nhiều.

Bất Thiện Địa Pháp (Vô Tâm, Vô Quý) và Tiểu Thiền Nã Địa Pháp (Phẫn, Phú (giấu diếm tội lỗi), Xan (keo kiệt), Tật (ganh ghét), Nã, Hại, Hận, Siểm, Cuồng (dối trá), Kiêu và Ác Tác). Ba tiểu loại này còn gọi là Đại Tùy, Trung Tùy và Tiểu Tùy Thiền Nã. Duy Thức Tông còn thêm vào Tiểu Tùy một loại nữa là Thù Miên (ngủ nghề) trở thành hai mươi một món Tùy Thiền Nã.

Bồ Thí cũng phải có trí huệ, tuy chính mình đã phát khởi cái tâm lành, nhưng tiền bị kẻ khác lừa gạt dùng món tiền ấy để làm ác thì hẳn là “tội khôi họa thủ” (kẻ cầm đầu gây họa), nhưng người thí cũng là kẻ giúp đỡ hẳn làm ác.

Bồ Thí phải gieo trồng nơi phước điền chân chánh. Một là hiếu dưỡng cha mẹ, hai là cứu giúp chúng sanh nghèo khổ, hoạn nạn, ba là cúng dường Tam Bảo. Nói theo cách bây giờ, hoàng dương nền giáo dục Phật giáo chính là gieo phước điền. Từ khi tôi học Phật đến nay, đối với Tam Bảo, thực hiện sự nghiệp in kinh chẳng ít. Bồ thí theo kiểu ấy, có lẽ không nẩy sanh mỗi tề. Có người bảo tôi, những sách vở do chúng ta ấn hành hiện đang thấy được mua đi bán lại trong các sạp sách cũ. Tôi cho rằng, sách được lưu thông trong cõi đời cũng là chuyện tốt. Ngoài ra, còn làm những chuyện phóng sanh và cứu giúp người bệnh khổ, nhưng in kinh nhiều nhất. Gần đây, bộ Tứ Thư của Nho Gia cũng được in mấy lượt. Những loại khác như Liễu Phàm Tứ Huấn, Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký v.v... là những sách thuật chuyện nhân quả báo ứng cũng thường in tặng. Người tiếp nhận kinh điển, thiện thư, đọc xong, tâm an lý đắc, biến đổi khí chất, bỏ ác, hướng thiện, giúp cho xã hội an ninh, quả thật đã gồm trọn công dụng của ba loại Bồ Thí. Trong hết thảy các kinh, đức Phật thường nhắc tới Bồ Thí; Tứ Nhiếp, Lục Độ đều lấy Bồ Thí làm đầu, thật chí lý. Bồ Thí nhằm mục đích vượt thoát keo kiệt tham lam, thật sự có lợi ích đối với chính mình. Vận mạng con người cứ năm năm biến chuyển một lần. Trong một đời người, nhất định có năm năm tốt đẹp nhất, mà cũng có năm năm tệ hại nhất. Vận tốt hay vận xấu chính mình có thể điều khiển được. Gặp lúc vận mạng tốt đẹp chớ nên hưởng thụ, hãy để dành cho lúc tuổi già. Khi tuổi trẻ, phát tài, hãy nên bố thí, làm chuyện từ thiện, công ích. Tiền xả được, nhưng tài vẫn còn đó, đợi đến tuổi già tài sẽ lại phát. Hạnh phúc thuở tuổi già là hạnh phúc chân chánh.

Thứ hai là Trì Giới. Không chỉ hạn cuộc trong Giới Luật Đại Thừa và Tiểu Thừa, mà nói theo cách bây giờ, [Trì Giới] là tuân thủ hết thảy những khuôn phép sinh hoạt. Chúng ta ở một mình, nhất cử nhất động chẳng buông lung, Nho Gia gọi là “*thận độc*” (慎獨: Cẩn thận ngay cả khi chỉ có một mình), điều này thuộc giới tỳ-kheo của Tiểu Thừa. Ở trong đại chúng, hãy nên tuân thủ các quy củ, giữ lễ, giữ pháp, thuộc Đại Thừa Bồ Tát giới. Người học Phật không chỉ tuân thủ giáo huấn của đức Phật mà ở bất cứ nơi nào cũng đều phải tuân thủ pháp luật, quy định, phong tục, tập quán và quan niệm đạo đức. Hành như vậy, khi thuyết pháp ắt sẽ được nhân sĩ nơi ấy hoan nghênh. Tinh thần của Giới Luật là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”.

Thứ ba là Nhẫn Nhục. Nhẫn Nhục có nghĩa là Nhẫn Nại. Người dịch kinh đã thay đổi bằng cách thêm vào chữ Nhục, do người Trung Quốc coi chuyện bị lăng nhục rất nặng. Cổ nhân nói: “*Sĩ khả sát, bất khả nhục*” (Kẻ sĩ có thể giết, chứ không chịu nhục). Kinh luận Đại Thừa chia Nhẫn thành ba loại lớn:

1) Loại thứ nhất bị người khác khinh rẻ, làm nhục, làm hại, bất luận hữu ý hay vô ý.

2) Loại thứ hai là tai hại do tự nhiên, trời rét dữ, hoặc nắng gắt, phải chịu đựng.

3) Loại thứ ba là Phật pháp. Tu học Phật pháp cần một thời gian rất dài. Phật dạy chúng ta rất nhiều đạo lý và phương pháp nhằm sửa đổi những khuyết điểm, tập khí trong cuộc sống thường nhật, chẳng thể nào thành tựu trong một sớm một chiều được! Nhấn nhục quan trọng nhất là nhằm đổi trị nóng giận. Kinh dạy: “*Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai*” (một niệm sân tâm nổi, trăm vạn cửa chướng mở). Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết pháp đắc thành u nhân*” (Hết thấy pháp do nhân mà được thành tựu). Chẳng hẳn được chuyện nhỏ sẽ hỏng chuyện lớn, chẳng thể không cẩn thận!

Thứ tư là Tinh Tấn. Tinh Tấn nhằm đổi trị giải đãi. Giải đãi là bệnh chung của mọi người, người khác chẳng giúp được. Nhất là trong thời đại dân chủ mở rộng hiện thời, đặc biệt tôn trọng nhân quyền, hễ không cẩn thận một chút liền chuốc lấy phiền phức. Chính tôi đã từng trải qua kinh nghiệm ấy, khi tôi đi học, có bản lãnh gạt thầy rất lớn. Thuở bé trí nhớ rất tốt, sách nào đọc đến, xem qua một lượt liền có thể nhớ nằm lòng. Do vậy, ở trường không học bài, mười phút trước khi thi mới chuẩn bị. Mỗi lần thi vừa đủ đậu là được rồi, có thời gian rảnh bèn tới thư viện xem sách. Do vậy, kiến thức thông thường của tôi rất phong phú. Về sau, biết giảng kinh cũng là một cách đổi trị giải đãi. Vì vậy, liền học giảng kinh, mục đích nhằm khắc phục cái tật giải đãi của chính mình. Thoạt đầu, để giảng một tiếng rưỡi, phải tốn hơn ba mươi tiếng đồng hồ để chuẩn bị. Đối phó với một vị thầy thì dễ, chứ đối với mấy trăm thính chúng thì không có cách gì xí gạt được. Do vậy, phải dốc sức để tìm hiểu thật rõ. Sau một năm, thời gian chuẩn bị giảm xuống một nửa. Sau mười năm, có thể không cần chuẩn bị nữa. Nhưng kinh vẫn phải đọc, chỉ sợ trong ấy có những chữ lạ, phải tra tự điển trước. Giải đãi quả thật là một căn bệnh nghiêm trọng nhất, chẳng nhẹ hơn tham, sân, si. Thiện căn duy nhất của Bồ Tát là Tinh Tấn.

Thứ năm là Thiên Định. Giải thích theo nghĩa rộng, [Thiên Định có nghĩa là] trong tâm có chủ ý, chẳng dễ dàng bị ngoại giới lay động. Như trong thế gian ắt cần phải chuyên học một, hai kỹ năng để duy trì cuộc sống, hễ chuyên tinh thì sẽ trội hơn người khác, Phật pháp cũng giống như thế. Trong nhiều pháp môn, chuyên học một môn. Dầu cho trí huệ cao minh, mạnh mẽ, học nhiều môn cũng không trở ngại gì, nhưng muốn có thành tựu to lớn thì vẫn phải chuyên! Hễ chuyên tâm thì tâm không bị chia đôi, trừ một chuyện nào đó ra, không có một chút tạp niệm nào, ý chí tinh thần tập trung, chuyên tinh là Thiên Định.

Thứ sáu là Bát Nhã (Prajñā). Bát Nhã là chân trí huệ, chứ không phải là tài trí, thông minh thế gian. Ở đây, do tôn trọng nên không dịch nghĩa chữ Bát Nhã, mà vẫn giữ nguyên cách dịch âm tiếng Phạn. Trí huệ thế gian gọi là Thế Trí Biện Thông. Thế Trí là do ý thức, tư duy thúc đẩy tạo ra, còn Bát Nhã chân trí huệ là do Thiên Định sanh ra. Nói cách khác, Bát Nhã sanh từ tâm thanh tịnh, chẳng cần phải nghiên cứu, suy đoán, khảo sát, nghĩ ngợi, mà tự nhiên hiểu rõ, vừa tiếp xúc

liền thông đạt. Toàn bộ Phật pháp nhằm cầu khai trí huệ, nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ. Định là mấu chốt để tu học Phật pháp.

Cổ đức dạy chúng ta một mặt tu Định, một mặt đọc tụng kinh điển Đại Thừa, tiến hành hai cách đồng thời. Trước kia, theo học với thầy Lý, thầy dạy tôi dùng phương pháp niệm Phật để tu Định, lại dùng phương pháp nghiên cứu kinh điển hồng giúp khai trí huệ. Ngài nêu ra lệ như thế này: Nếu đơn độc tu Định mà muốn khai Huệ thì phải tốn thời gian mười năm. Nếu đồng thời nghiên cứu kinh luận Đại Thừa, thì có thể rút ngắn thời gian khai huệ còn năm hay sáu năm. Trong nhà Phật gọi cách này là Chánh Trợ Song Tu. Đọc tụng Đại Thừa có hai cách. Một là hoàn toàn đọc tụng không cần hiểu. Như rất nhiều người đọc kinh Pháp Hoa, suốt ngày niệm một bộ tôn chừng năm tiếng đồng hồ, khi đọc tuyệt đối chớ nên nghiên cứu văn tự, hễ nghiên cứu sẽ hỏng. Nếu muốn nghiên cứu thì cần phải kiếm thời gian khác, chỉ dùng [thời gian] đọc kinh để tu Định là chủ yếu. Dầu nghiên cứu rất giỏi, giảng đến mức hoa trời rơi loạn xạ, nhưng vẫn y như cũ, trí huệ chẳng mở mang! Sở đắc là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là chân trí huệ.

Lục Độ là cương lĩnh xử thế, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống thường nhật của Bồ Tát. Dùng Bồ Thí đối trị keo kiệt tham lam, dùng Trì Giới đối trị ác nghiệp, dùng Nhẫn Nhục đối trị nóng giận, dùng Tinh Tấn đối trị giải đãi, dùng Thiền Định đối trị tán loạn, dùng Bát Nhã đối trị ngu si. Sáu đại cương lĩnh này chẳng nhằm độ ai khác mà nhằm độ chính mình. Tham, sân, si là gốc bệnh của chúng ta. Đức Thế Tôn dạy chúng ta dùng Lục Độ làm thuốc. Nếu dùng đúng pháp, uống thuốc vào sẽ hết bệnh. Nói cặn kẽ nhất là như Đại Trí Độ Luận, sách dành một phần thật lớn để giải thích Lục Độ. Kinh Hoa Nghiêm chỉ giảng riêng về Bồ Thí đã gồm một trăm thứ. Tài Bồ Thí chia thành Nội Tài và Ngoại Tài. Nội Tài là đầu, mắt, não, tủy, hết sức cặn kẽ! Nếu các đồng tu muốn học nhiều hơn một chút, có thể tham khảo cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của Giang Vị Nông và cuốn Tâm Kinh Thuyên Chú của Châu Chỉ Am, nội dung hai bộ sách ấy đều rất phong phú, giải thích những thuật ngữ, danh từ Đại Tiểu Thừa hết sức cặn kẽ, có thể dùng làm sách đọc để biết những kiến thức thông thường trong Phật pháp, hết sức có giá trị.

“*Thập Lực, Vô Úy*”: Lực (力) là năng lực, kinh Đại Thừa thường nói nơi quả địa, đức Phật chứng được mười thứ năng lực thù thắng đặc biệt. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai*”. Đức tướng là năng lực, mà cũng là khả năng sẵn có của chúng sanh. Nhưng do vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Có hai thứ chướng ngại: Một là Sở Tri Chướng, hai là Phiền Não Chướng. Hết thấy những lời Phật chỉ dạy chúng sanh chẳng ngoài trừ hai thứ chướng mà thôi! Năng lực vô lượng vô biên, nhằm thuận tiện giải nói nên nêu đại lược mười thứ.

1) **Tri thị xứ phi xứ trí lực**: Nói rõ nhân quả tương ứng. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. Tạo nhân nào, gặt quả ấy thì gọi là “*tri xứ*”. Nếu làm lành mà gặp ác báo thì gọi là “*phi xứ*”. Đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang đại sư nói: Trong lúc thiên hạ đại loạn này, nếu nghĩ cách cứu giúp muôn dân thì phương pháp hữu

hiệu nhất là đem sự thật nhân duyên quả báo chỉ dạy chúng sanh, khiến họ hiểu rõ một miếng ăn, một hớp uống không gì chẳng phải là định sẵn, giàu, nghèo, vinh, nhục, đều là do tự mình làm, tự mình chịu, chớ nên oán trời hờn người, ai nấy hãy nên yên phận.

2) **Tri quá hiện vị lai nghiệp báo trí lực**: Nghiệp là “*tạo tác*”. Đang trong khi tạo tác thì gọi là Sự, tạo tác xong thì gọi là Nghiệp. Nghiệp có ba loại, tức là thiện, ác và vô ký (không thiện, không ác). Đức Phật có năng lực biết trọn khắp nghiệp duyên, quả báo ba đời của chúng sanh. Như trong kinh này, đức Phật đã ba lần khuyên dạy niệm Phật, nhằm mục đích mong mỗi chúng sanh trong một đời này sẽ viên thành Phật đạo, đây chính là điều lành nhất trong các điều lành. Nói ngược lại, người chẳng muốn tu Tịnh nghiệp sẽ rất khó thể thoát lìa lục đạo luân hồi.

3) **Tri chư Thiên giải thoát tam-muội trí lực**: Trong Phật pháp có thế gian Thiên Định và xuất thế gian Thiên Định. Đức Phật tự tại vô ngại nơi các Thiên Định, thứ lớp cạn sâu của chúng, Ngài đều biết trọn khắp, đúng như thật. Phàm phu trong có vô lượng phiền não, ngoài có vô lượng dục dõ, mê hoặc, rất khó tu Thiên Định. Chỉ có Niệm Phật tam-muội là thường được chư Phật tán thán. Phương pháp niệm Phật thật nhiều, nhưng tam-muội đạt được do trì danh là thượng thượng thừa đại định.

4) **Tri chư căn tướng liệt trí lực**: Phật biết căn tánh của hết thảy chúng sanh. Phàm phu gặp Phật, nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp khéo hợp căn cơ nhất. Đức Phật nói mấy câu liền có thể khai ngộ. Sách Luận Ngữ có câu: “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (Về bản tánh thì gần giống như nhau, nhưng do huấn luyện, giáo dục mà trở thành khác nhau). “*Tập tánh*” mà Nho Gia nói đến [trong câu trên đây] là tập khí sinh hoạt trong đời quá khứ của chúng sanh, mỗi người mỗi khác, ắt phải triệt để liễu giải thì mới có thể thuyết pháp khéo cơ. La Hán cũng có trí lực này, nhưng chỉ có thể thấy được năm trăm đời, còn Phật có thể biết tập khí, căn cơ của chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, cho nên tùy theo căn bệnh cho thuốc rất phù hợp.

5) **Tri chủng chủng giải trí lực**: Đối với dục vọng, tri kiến thiện ác của chúng sanh, đức Phật biết trọn khắp đúng như thật. Mỗi người ưa thích, yêu chuộng khác nhau. Nếu biết được dục vọng, hiểu biết, ham thích trong đời này và đời quá khứ [của người khác] thì có thể chỉ điểm khớp với điều họ ưa chuộng, ắt sẽ có thể khéo cơ. Dục vọng luôn luôn biến hóa, chẳng dễ gì hiểu được, chính mình còn chẳng biết, cũng phức tạp giống như Nghiệp và Định đã nói trong phần trên, có quan hệ mật thiết với tập khí trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chỉ có Phật mới thấy rõ ràng.

6) **Tri chủng chủng giới trí lực**: Giới (界) là giới hạn, tức là cực hạn (mức tốt cùng) của năng lực, chẳng thể vượt hơn được. Chẳng hạn như đối với căn tánh Tiểu Thừa, nếu giới hạn của người ấy là Sơ Quả, thì Phật có thể giúp cho người ấy chứng Sơ Quả. Nếu cực hạn là Tứ Quả thì Phật giúp cho người ấy đạt đến A

La Hán. Đối với các thứ giới hạn sai biệt của hết thảy chúng sanh, Phật đều biết rất tường tận, giáo hóa mỗi người đều đạt được nguyện vọng của họ.

7) **Tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực**: Đây là nói về quả vị. Có nghiệp nhân nào, tương lai sẽ đạt đến đạo quả nào, Như Lai đều có thể biết trọn khắp đúng như thật. Như người thế gian chưa thoát khỏi lục đạo thì mục tiêu giáo học là ngăn ngừa hết thảy chúng sanh tạo tác ác nghiệp, đọa nhập tam đồ. Vì ác đạo rất khổ, dễ vào, khó ra. Nếu là người có căn tánh nhân, thiên, bèn nói Ngũ Giới, Thập Thiện, thuận theo nguyện của họ. Đây đều là ứng theo căn cơ mà lập cách giáo hóa. Do đây có thể thấy rằng: Đại Thừa nói Phật chẳng độ chúng sanh, Phật chỉ làm Tăng Thượng Duyên, chỉ dạy con đường tu hành, chỉ do tài năng [của từng đối tượng] mà lập cách dạy dỗ, trọn chẳng miễn cưỡng, thật ra, [mỗi một người được đức Phật giáo hóa] vẫn là tự độ.

8) **Tri túc mạng vô lậu trí lực**: Túc là trí thông đạt, hạnh viên mãn. Quý thân cũng có thân thông, nhưng năng lực của họ hết sức hữu hạn. Trung Quốc có thuyết cầu cơ, linh quẻ giáng đàn chuyên cơ bút, có thể biết được chuyện xảy ra trong mấy tháng hoặc một, hai năm. Đối với các thứ túc mạng của hết thảy chúng sanh, Như Lai có thể biết tình trạng sanh tử từ một đời cho đến trăm ngàn vạn đời, biết trọn khắp, đúng như thật.

9) **Tri thiên nhãn vô ngại trí lực**: Thiên nhãn của Phật là tận hư không, trọn pháp giới, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng thấy, không gì chẳng biết. La Hán cũng có Thiên Nhãn Thông, nhưng cần phải tác ý. Hơn nữa, chỉ thấy được một tiểu thiên thế giới, vượt ra ngoài [phạm vi ấy] thì dù có nhìn thật kỹ cũng không thấy, là vì họ còn có Trần Sa và Vô Minh gây chướng ngại, họ chỉ đoạn được Kiến Tư phiền não. Chỉ có thiên nhãn của Phật mới có thể thấy vô tận thế giới và quá khứ, vị lai lâu xa.

10) **Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực**: Đây chính là Lậu Tận Thông. Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não. Tự mình biết Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều đã đoạn sạch, chẳng cần phải hỏi ai khác, đã thành tựu đại giác viên mãn.

Mười loại này chính là “bốn năng” (năng lực sẵn có) của chính mình, vốn có sẵn. Ngoài bốn năng ra chẳng có một pháp nào để đắc.

Tiếp theo là Vô Úy, chính là Như Lai đối với sự giáo hóa hết thảy chúng sanh mà nói thành bốn món Vô Úy, tức là trí huệ, đức năng của chính mình viên mãn, liền có thể giáo hóa hài hòa:

1) **Nhất Thiết Trí Vô Sở Úy**: Không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Bất cứ ai cũng chẳng thể bắt bí được. Trên thực tế, đây cũng là năng lực sẵn có của chính mình. Thuở ấy, có người toan trắc nghiệm Thích Ca Mâu Ni Phật, hỏi Ngài trên cái cây này có bao nhiêu lá, Phật trả lời lập tức. Sai người kiểm rõ, quả nhiên chẳng sai. Những chuyện như vậy trong kinh ghi chép rất nhiều.

2) **Lậu Tận Vô Sở Úy**: Môn thứ nhất (tức Nhất Thiết Trí Vô Sở Úy) là trí huệ viên mãn, môn thứ hai là Như Lai đoạn sạch phiền não, đức hạnh viên mãn. Phật có đức lớn, ở trong hết thảy đại chúng chẳng sợ hãi.

3) **Thuyết Chương Đạo Vô Sở Úy**: Tà tri tà kiến thường nói trong thế gian đều thuộc về chương đạo, người đời không biết, chẳng thể phân biệt tà, chánh. Do vậy, thời gian tu hành của chúng ta rất dài, chính là vì chuyện gây chương đạo quá nhiều, chương ngại sự tu trì của chính mình. Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều khơi gợi đạo tâm của chúng ta, người ta vì sao có thể thành tựu, còn chúng ta vì sao chẳng thể thành tựu. Nếu tiêu trừ chương ngại thì sẽ có hy vọng thành công. Phật biết sâu xa chuyện này, trong kinh, Ngài thường nhắc tới nhân duyên gây chương đạo.

4) **Thuyết Tận Khổ Đạo Vô Sở Úy**: Tam giới là khổ, ngoài tam giới cũng có khổ. Bạc Đăng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đây cũng là khổ. Dùng phương pháp nào để tiêu trừ khổ sạch sẽ? Phật biết phương pháp ấy, liền nói cách hết khổ không sợ hãi. Phật dạy chúng sanh lìa khổ được vui, [chúng sanh] bao gồm cả Đăng Giác trong ấy. Phật dạy Đăng Giác Bồ Tát các pháp môn, trong ấy có một phương pháp rất xảo diệu. Trong hội Hoa Nghiêm, khuyên Đăng Giác Bồ Tát niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nói thật ra, lúc đầu tôi học Phật, đối với pháp môn Tịnh Độ cũng chẳng hứng thú cho lắm. Thầy Lý học Tịnh Tông, tôi theo học với thầy mười năm, tôi tôn trọng thầy, đối với Tịnh Tông chẳng hủy báng mà thôi, chứ bảo tôi suốt ngày từ sáng tới tối niệm Phật, tôi không chịu làm đâu nhé! Mãi cho đến khi đọc thấy trong hội Hoa Nghiêm, trong phương pháp tu thành Phật do đức Phật dạy hàng Đăng Giác Bồ Tát có pháp môn này, tôi mới tỉnh ngộ, quay đầu lại nhìn thấy pháp môn này khác hẳn trước kia. Phật dạy các đại Bồ Tát các thứ lý luận và phương pháp, chúng ta là phàm phu đều chẳng thể làm được, còn dạy phương pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thấy A Di Đà Phật thì chúng ta cũng có thể làm được. Chúng ta chọn lấy pháp môn này, há chẳng phải là một bước lên trời? Sau đây mới biết hết thấy chư Phật Như Lai đều khen ngợi pháp môn này đúng là đại từ đại bi vậy!

Pháp môn Niệm Phật này chỉ cần quý vị chịu tin, chịu niệm, bằng lòng ra đi (vãng sanh), thì vạn người tu vạn người đến. Lý ấy rất sâu, trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã phơi bày chẳng sót, phương pháp xảo diệu, tín nguyện trì danh, một đời thành Phật. Đây chính là Tận Khổ Đạo Vô Sở Úy.

(Giải) Tam thập thất phẩm, thâm pháp tuy tận, nhi cơ duyên bất đẳng, tác chủng chủng khai hợp, danh nghĩa bất đồng, tùy sở dục văn, vô bất diễn sướng. Cố linh văn giả, niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não dã.

(解)三十七品。收法雖盡。而機緣不等。作種種開合。名義不同。隨所欲聞。無不演暢。故令聞者。念三寶。發菩提心。伏滅煩惱也。

(Giải: Ba mươi bảy phẩm tuy bao gồm trọn hết các pháp, nhưng do cơ duyên khác nhau mà có các thứ mở rộng, hay tóm gọn, danh nghĩa khác nhau, tùy theo ý muốn của người nghe, không gì chẳng diễn nói thông suốt. Vì thế, có thể làm cho người nghe nghĩ nhớ Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, khuất phục, diệt trừ phiền não).

Ba mươi bảy đạo phẩm là tổng cương lĩnh, gồm trọn hết thủy pháp. Khi Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, căn tánh và cơ duyên [của mỗi chúng sanh] khác nhau; do vậy, đức Phật thuyết pháp sẽ vì người nghe, vì thời cơ, vì nơi chốn mà thuyết pháp khác nhau, sử dụng đủ mọi cách triển khai hay quy nạp, tùy theo ý muốn của người nghe, không gì chẳng diễn nói thông suốt. Mỗi người tập tánh khác nhau, nhưng bốn tánh giống nhau, chúng sanh vốn là Phật. Vì sao ngàn kinh muôn luận, chốn chốn chỉ quy? Bất luận pháp môn nào cũng đều chỉ về tự tánh, nhưng pháp môn Niệm Phật là Sự trong tự tánh. Do vậy, pháp này dạy chúng sanh niệm Tam Bảo, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh. Tam Bảo là món báu tánh đức trong tự tánh. Học Phật nhập môn liền quy y Tam Bảo, Quy (歸) là quay đầu trở lại, Y (依) là nương tựa. Phản nghĩa của Tam Bảo là “mê, tà, nhiễm”. Chúng ta hiện đang sống trong “mê, tà, nhiễm”, học Phật là từ trong mê hoặc quay đầu trở lại, nương theo Giác nơi tự tánh thì gọi là “quy y Phật”. Từ tà tri tà kiến quay đầu trở lại, nương theo Chánh trong tự tánh, tức chánh tri chánh kiến thì gọi là “quy y Pháp”. Từ trong hết thủy tâm lý, tư tưởng, kiến giải, tinh thần ô nhiễm mà quay đầu trở lại, nương theo sự thanh tịnh trong tự tánh thì gọi là “quy y Tăng”. Tam Bảo là chỗ quy y chân chánh; thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chính mình. Công khóa sáng tối đơn giản nhất của đệ tử Phật là niệm Tam Quy Y. Buổi sáng nhắc nhở chính mình, buổi tối phản tỉnh, trong ngày hôm nay, ta xử thế, đãi người, tiếp vật có sai lầm gì hay chẳng? Tư tưởng có sai lệch gì chẳng? Tự mình kiểm điểm lỗi quấy của chính mình, như vậy thì mới có tác dụng, chứ không phải là niệm Tam Quy Y cho Phật, Bồ Tát nghe.

Phát Bồ Đề tâm, tức là giác tâm. Đại Thừa Phật pháp thời thời khắc khắc khuyên lớn chúng sanh phát Bồ Đề tâm. Chúng sanh đều đang mê, do cách nghĩ, cách nhìn, cách làm đều sai lầm; do làm sai nên kết nghiệp cảm quả, rắc rối ở chỗ này. Nhất Chân pháp giới do bốn tánh đã hiện bị biến thành mười pháp giới, mười pháp giới là do “mê, tà, nhiễm” biến hiện. Mê nhẹ thì là bốn thánh pháp giới, mê nặng thì là lục đạo pháp giới, càng nặng thì càng đi xuống. Phật dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm. Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói thứ nhất là chí thành tâm, thứ hai là thâm tâm, thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Chí thành tâm là Thể, có Thể ắt sẽ có Dụng, Dụng chia thành Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Thâm tâm ưa thiện chuộng đức là Tự Thụ Dụng. Hồi hướng phát nguyện tâm là tâm đại từ đại bi đối đãi chúng sanh, là Tha Thụ Dụng. Đối với chính mình phải thanh tịnh, đối với người khác phải từ bi. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dùng các danh từ khác, nhưng ý nghĩa giống hệt. Ngài nói Bồ Đề tâm là Trục Tâm, đây là Thể, tức Chí Thành Tâm. [Tự Thụ Dụng là] Thâm Tâm giống như trong Quán Kinh, còn Tha Thụ Dụng là Đại Bi Tâm. Thời thời khắc khắc phải nghĩ cách điều phục, diệt trừ phiền não, trước hết phải điều phục rồi sau đây mới diệt. Nương theo tiêu chuẩn trong Yếu Giải, Đăng Giác Bồ Tát là điều phục [phiền não], đến quả địa Như Lai mới là đoạn. Tiểu Thừa La Hán đoạn Kiến Tư, nhưng Trần Sa và Vô Minh vẫn còn. Đại Thừa Bồ Tát đoạn được Trần Sa phiền não, phá được

mấy phẩm Vô Minh, chỉ là điều phục. Chúng ta chưa đoạn phiền não thì phải có năng lực chế phục nó. Nói theo đường lối thông thường thì dùng Định lực; trong pháp môn Niệm Phật thì dùng Phật hiệu, tịnh niệm tiếp nối, phiền não chẳng hiện tiền, dễ dàng hơn dùng công phu Định lực.

(Giải) Chước kiến từ oai bất khả tư nghị, cố niệm Phật. Pháp hỷ nhập tâm, pháp vị sung túc, cố niệm Pháp. Đồng văn cộng bảm, nhất tâm tu chứng, cố niệm Tăng. Năng niệm tức Tam Quán. Sở niệm Tam Bảo, hữu biệt tướng nhất thể, cập tứ giáo ý nghĩa. Tam Đế quyền, thật chi bất đồng, như thượng liệu giản đạo phẩm ưng tri.

(解) 灼見慈威。不可思議。故念佛。法喜入心。法味充足。故念法。同聞共稟。一心修證。故念僧。能念即三觀。所念三寶。有別相一體。及四教意義。三諦權實之不同。如上料簡道品應知。

(Giải: Thấy rõ ràng oai đức từ bi chẳng thể nghĩ bàn, vì thế niệm Phật. Tâm sanh pháp hỷ, pháp vị tràn ngập, vì thế niệm Pháp. Cùng nghe, cùng tiếp nhận, nhất tâm tu chứng, vì thế niệm Tăng. Năng niệm là Tam Quán. Sở niệm là Tam Bảo, tuy có tướng sai khác, nhưng là cùng một Thể, và mang ý nghĩa bốn phương pháp giáo hóa. Tam Đế có quyền biến hay thật pháp khác nhau, hãy nên dựa theo sự phân định về đạo phẩm trong phần trước để hiểu điều này).

Phần này giải thích nhân duyên niệm Tam Bảo. Trong phần trên, kinh văn đã giới thiệu những điểm trọng yếu trong tình trạng cuộc sống và tình hình thuyết pháp nơi Tây Phương Tịnh Độ, đến cuối cùng, nói thành tích giáo học chính là niệm Tam Bảo. Trước tiên, phải biết vì sao quy kết về Tam Bảo? Tam Bảo đại diện toàn thể Phật pháp. Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ có ghi “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, tâm thanh tịnh là Tăng Bảo, tâm bình đẳng là Pháp Bảo, tâm giác ngộ là Phật Bảo. Lại còn là Tam Học: “Thanh tịnh” là Giới Học, “bình đẳng” là Định Học, “giác” là Huệ Học. Do vậy, Tam Bảo và Tam Học bao quát toàn thể Phật pháp. Toàn thể Phật pháp chính là tánh đức của chính mình. Chúng ta hết sức ngưỡng mộ đức Phật, tới một ngày nào đó có thể thấy rõ ràng A Di Đà Phật, chúng ta sẽ nhất định hết sức hoan hỷ. Trong thế gian này cũng có thể thấy, kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật*”. Có cảm ắt có ứng, cảm chẳng phải là dùng vọng niệm, tâm thanh tịnh thì mới có cảm ứng. Đã có thể thấy Phật, ắt sẽ có thể thấy hết thấy những nhân vật khác nhau trong pháp giới, mà [đối với những sự vật] trong những chiều không gian khác nhau cũng đều có thể thấy được. Tại Ấn Độ, có không ít nhà tôn giáo từ trong Định thật sự thấy được tình huông trên trời và lục đạo. Định có thể sanh thần thông, mức độ sâu hay cạn khác nhau. Lão hòa thượng Hư Vân hể tịnh tọa là từ mười ngày cho đến nửa tháng, cảnh giới trong Định được ghi chép tường tận trong Hư Vân Niên Phổ. Có một lần, trong Định, Sư tới được Nội Viện trời Đâu Suất, nghe Di Lạc Bồ Tát thuyết pháp, đây tuyệt đối chẳng phải là hư cấu.

Điểm đặc thù nhất trong Phật pháp là dạy hành giả chiếu theo lý luận, phương pháp trong kinh để thực hành, chính mình sẽ có thể đích thân chứng được. Niệm Phật công phu thành phẩm chính là Định sơ cấp. Có người khi công phu thành phẩm, thấy Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tu đến mức Sự nhất tâm bất loạn, cảnh giới giống như A La Hán, Bích Chi Phật. Tu đến Lý nhất tâm bất loạn, công phu Định lực sâu xa, không có nhập Định hay xuất Định.

Thầy dạy học trò, đã có lòng từ ái, lại còn có sự oai nghiêm, chẳng thể phê bỏ một bên nào. Do vậy, học sinh đối với thầy vừa cung kính lại vừa kiêng dè. A Di Đà Phật là một vị thầy tốt nhất, do mười phương hết thầy chư Phật và Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni Phật đều tán thán A Di Đà Phật. Đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là “*Phật trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (tôn quý nhất trong các vị Phật, vua của các vị Phật).

Thờ tượng Phật có hai ý nghĩa:

1) Thứ nhất là chẳng quên gốc. Người Trung Quốc nói: “*Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu*”⁴. Nho gia Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp đều kiến lập trên hiếu đạo, sanh mạng do cha mẹ mà có; vì thế ân đức phụ mẫu rất lớn. Kế đến là huệ mạng, huệ mạng là giáo dục, giáo dục do thầy mà có. Theo cổ lễ, cha mẹ qua đời, để tang ba năm. Thầy qua đời, để tang trong lòng ba năm, chẳng mặc hiếu phục (áo tang) mà thôi. Con cái của thầy giống như anh em trai, chị em gái của chính mình, phải luôn luôn chăm sóc họ. Do vậy, thờ tượng Phật và thờ bài vị tổ tiên mang ý nghĩa kỷ niệm giống nhau. Thờ Phật là thờ vị thầy bậc nhất nhằm biểu thị ý nghĩa “chẳng quên ân sư”.

2) Thứ hai là “*kiến hiền tư tề*” (thấy người hiền, mong được bằng). Trông thấy tượng Phật bèn nhớ trong kinh điển nhà Phật có rất nhiều giáo huấn, thường ngày chúng ta làm người sống trong cõi đời có tuân thủ, làm theo lời chỉ dạy của Phật hay không.

“*Pháp hỷ nhập tâm, pháp vị sung túc*” (Tâm sanh pháp hỷ, pháp vị tràn ngập). Hiện thời, Phật đã không còn trên cõi đời, nhưng giáo huấn của Ngài vẫn còn lưu lại nhân gian. Mong tiếp nhận giáo huấn của Phật để đạt được lợi ích chân thật, ắt phải đọc tụng kinh điển, nhớ mãi chẳng quên. Đối với thầy ắt phải có tín tâm, thành tựu của quý vị lớn hay nhỏ tỷ lệ thuận với tín tâm đối với thầy. Nếu không có lòng cung kính thầy, chẳng bằng không học, học cũng vô ích. Người thật sự có trí huệ, chẳng coi trọng tiếng tăm, lợi dưỡng, mà quý trọng thời gian, “*một tác quang âm, một tác vàng, tác vàng khó chuộc tác quang âm*”. Cầu học ắt phải theo học với vị thầy mà ta ngưỡng mộ nhất thì mới được lợi ích; vì đối với lời thầy nói, ta ắt sẽ làm theo một trăm phần trăm. Cổ nhân tham học, tìm thầy, hỏi đạo, từ Cao Tăng Truyện, ta có thể thấy có người học đến tham phỏng thầy, thầy nói chuyện với người ấy xong liền bảo: “Nhân duyên của ông là theo học với vị thầy

⁴ Đây là một câu nói của Tăng Tử trích từ thiên Học Nhi của sách Luận Ngữ. Câu này thường được giải thích như sau: “*Cha mẹ đã mất thì tang ma cẩn thận. Tương nhớ, truy niệm tổ tiên thì phẩm đức của dân chúng sẽ ngày càng sâu dày, tốt đẹp hơn*”. Ý nói để khơi gợi những đức tánh tốt đẹp của dân chúng phải khởi sự từ hiếu đạo.

nọ ở chỗ kia thì sẽ được lợi ích”. Người ấy tuân lời dạy đi qua đó, chẳng đầy mấy năm liền khai ngộ.

Từ nhỏ, tôi mang tư tưởng khá độc lập, chẳng bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài cho lắm. Lúc cầu học ở Nam Kinh, từng học hai năm trong giáo hội Cơ Đốc Giáo, đã hai lượt đọc Tân Ước Cựu Ước Toàn Thư⁵, lại học theo Y Tư Lan giáo (Islam, đạo Hồi) một năm. Giáo hội Cơ Đốc Giáo bảo tôi chịu phép rửa tội (baptism), tôi không nghe, vì tôi có nhiều nghi vấn nhưng không có cách nào giải đáp. Sau khi đến Đài Loan, thân cận tiên sinh Phương Đông Mỹ, trong lòng tôi, Ngài là một vị đáng ngưỡng mộ nhất trong tâm ý của tôi. Ngài nói: “*Triết học trong kinh Phật là triết học cao sâu nhất trên thế giới, học Phật cũng là sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Tôi đến chùa xem kinh, có rất nhiều câu văn chẳng dễ hiểu, ắt phải có người chỉ dạy, hướng chỉ những kinh luận trọng yếu phần nhiều là ý nằm ngoài lời. Về sau, gặp được Chương Gia đại sư hết sức từ bi, được Ngài chỉ dạy ba năm, định vững cơ sở học Phật cho tôi. Về sau, lão cư sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu cho tôi quen biết với thầy Lý Bình Nam. Tôi lại theo học với cụ mười năm. Bái sư ắt phải chí thành, cung kính, y giáo phụng hành thì tu học mới có tâm đắc, thoát thai hoá cốt⁶, biến đổi khí chất, pháp hỷ ngập tràn, phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng thêm, tự nhiên hoan hỷ.

Theo Cao Tăng Truyện, Huệ Viễn đại sư kiến lập một đạo tràng tại Lô Sơn, gọi là Đông Lâm Niệm Phật Đường, suốt ba mươi năm chưa từng rời khỏi nơi đó, tuy không bé quan, nhưng thật sự giống như cấm túc. Một đời Ngài ba lần thấy thế giới Cực Lạc, chẳng hai, chẳng khác với những gì kinh đã nói. Đến khi lâm chung, Ngài mới nói rõ với các đệ tử. Do vậy, “hành” thì mới có thể trừ khử được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khôi phục tâm thanh tịnh. Nếu chỉ cầu hiểu biết suông, sẽ chẳng thể trừ chướng ngại được!

“*Đồng văn cộng bảm, nhất tâm tu chứng, cố niệm Tăng*” (Cùng nghe, cùng lãnh thụ, nhất tâm tu chứng, vì thế niệm Tăng). Dưới tòa của A Di Đà Phật, những người cùng tu đều là thượng thiện nhân, tức là niệm Tăng. “*Năng niệm tức là Tam Quán*”, ở chỗ này giảng Năng Niệm và Sở Niệm khác nhau. “Năng niệm”

⁵ Đây là hai phần của Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo:

1. Cựu Ước (Old Testament) tức những giao ước giữa Jehovah (Yahweh, Thượng Đế của người Do Thái). Phần này gần như hoàn toàn giống với Thánh Kinh của Do Thái Giáo, gồm Pentateuch (gồm năm quyển giải thích nguồn gốc vũ trụ, các điều răn, luật lệ và lịch sử dân Do Thái), Nevi'im (các lời tiên tri về sự xuất hiện của một đấng Cứu Thế), và Ketuvim (gồm những sách như Psalm (Nhã Ca hay Thi Thiên), Proverbs (Châm Ngôn) v.v...

2. Tân Ước (New Testament) chép hành trạng của Jesus (thường được biết dưới danh từ Phúc Âm – Gospel, gồm 4 quyển), Công Vụ Sứ Đồ (Acts of the Apostles, ghi chép những sự kiện trong công cuộc truyền đạo của các môn đệ thân cận của Jesus), những thư từ nhằm giải thích đạo Thiên Chúa của các tông đồ tiên khởi đối với các tín đồ (phần này được gọi chung là Epistle) và sách Khải Huyền (Revelation).

⁶ “*Thoát thai hoá cốt*” vốn là một thuật ngữ của Đạo Giáo. Họ tin rằng có những loại tiên đan đặc chế, uống vào sẽ chuyển thân phàm thành thánh thai, thay đổi xương phàm thành xương tiên. Về sau, từ ngữ này trở thành một thành ngữ ngụ ý người học được một nền giáo dục tốt đẹp bên biến đổi tư cách phẩm đức triệt để, trở thành tốt đẹp, hoàn toàn khác hẳn trước khi học.

là nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta không làm được. Thành quả tu học của họ chúng ta có thể lãnh ngộ sơ lược đôi chút. Tông Thiên Thai nói đến Tam Quán Tam Đế thì ở trong Tây Phương thế giới, [các vị thượng thiện nhân] hoàn toàn chứng đắc [những điều ấy]. Đối với tư tưởng, lý luận, cảnh giới của tông Thiên Thai, có thể nói là chúng ta hiểu biết có hạn; chẳng qua, tổ sư, đại đức nêu ra mấy danh từ, thuật ngữ mà thôi. Pháp môn Niệm Phật đặc biệt ở chỗ chỉ cần nhất tâm xưng niệm thì lý luận, phương pháp, cảnh giới đều nằm trong ấy, không riêng gì tông Thiên Thai mà Thiên Tông, Mật Tông cũng nằm trong một câu Phật hiệu.

Có người hỏi tôi: “Hiện thời chúng tôi học Phật, nhưng người già trong nhà chẳng chịu học Phật thì phải làm sao?” Tôi nói: “Vậy là chỉ trách ông học Phật chưa nghiêm túc, không có thành tựu!” Hà Đông tước sĩ⁷ phu nhân ở Hương Cảng niệm Phật, người trong nhà hoàn toàn tin theo Cơ Đốc Giáo, nhưng rất hiếu thuận với mẹ. Bà cụ khi lâm chung bảo con cái: “Nhà ta tự do tôn giáo, đối xử với nhau hết sức hòa hợp. Hôm nay mẹ sắp về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta có dịp làm mẹ con với nhau, vậy các con hãy niệm Phật mấy câu tiễn mẹ đi”. Nói xong, chưa đầy một khắc, cụ đã ngồi vãng sanh. Từ lúc ấy, cả nhà tướng quân Hà Thế Lễ, ông này là con trai bà cụ, đều tin Phật. Chuyện này từng gây xôn xao đất Hương Cảng một thời.

Phật pháp từ đầu đến cuối là câu khai trí huệ, Năng Niệm là Tam Quán. Tam Quán là trí huệ chân thật, Tam Quán là quán sát chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, quán sát từ ba phương diện: Một là Không, hai là Giả, ba là Trung.

- Không chẳng phải là cái gì cũng chẳng có, Không là bản thể của vạn pháp trong vũ trụ. Bản thể tồn tại, nhưng không thấy được, mò chẳng được, nghe chẳng được, nói chẳng được, sáu căn không có cách nào tiếp xúc nó, nhưng nó tồn tại, nó có thể sanh ra Hữu. Hữu là sâm la vạn tượng, hết thấy vạn pháp, đều do bản thể biến hiện ra. Không là Tánh, Tánh là không. Tướng là có. Trong ứng xử nên dùng Trung, Nho gia gọi Trung là Trung Dung, còn Phật pháp gọi là Trung Đạo. Đã không thiên chấp Hữu mà cũng đừng thiên chấp Không. Phạm phu phạm lỗi chấp Hữu, chấp tướng, chẳng biết bản thể, rớt vào lục đạo luân hồi. Hữu là giả có, chớ nên chấp trước! Thế là bất sanh bất diệt, còn Tướng sanh diệt trong từng sát-na, vạn pháp vô thường. Do vậy, nói “*Năng Niệm tức Tam Quán*”. Trong các hiện tượng, hãy nên dùng Trung⁸. Đối tượng được niệm (Sở Niệm) là Tam Bảo.

⁷ Tước Sĩ là phiên âm của chữ Sir trong tiếng Anh. Thông thường, tại Trung Hoa thời ấy, người được phong tước Ky Sĩ (Knight, ta thường dịch là Hiệp Sĩ) hoặc Tòng Nam Tước (Baronet) của hoàng gia Anh, sẽ được gọi là Tước Sĩ.

⁸ Nói cách khác, khi tiếp xúc, khi cảm thụ sự vật, cái tâm của người niệm phải vận dụng Tam Quán. Quán các pháp bản thể là Không, tướng biến hiện của các pháp là Giả, nhưng không chấp vào Không hay chấp vào Có (đó là Trung). Vì thế, Hòa Thượng mới nói “*Trong các hiện tượng, hãy nên dùng Trung*”.

Tam Bảo là biệt tướng⁹. Từ hiện tượng mà nói thì phiền não, vọng tưởng đã đoạn hết, trí huệ viên mãn hiện tiền bèn gọi là “*thành Phật*”. Phật có đại trí, thành tựu sự giác ngộ trí huệ viên mãn, thì gọi là Phật Bảo. Hết thấy các pháp do đức Phật đã nói, lưu truyền thành kinh điển thì gọi là Pháp Bảo. Đệ tử xuất gia nương theo kinh luận để tu hành thì gọi là Tăng Bảo. “*Nhất Thế*” là nói theo Tánh, tức là “*giác, chánh, tịnh*”. Chánh giác là Phật Bảo, chánh tri chánh kiến là Pháp Bảo, thanh tịnh vô nhiễm là Tăng Bảo. Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, thì gọi là Tự Tánh Tam Bảo, còn gọi là Nhất Thế Tam Bảo. “*Tứ giáo ý nghĩa*” chính là “*Tạng, Thông, Biệt, Viên*” như trong tông Thiên Thai đã nói.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thật? Thị chư chúng điều giai thị A Di Đà Phật dụng linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.

(經)舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phất! Ông đừng nói những con chim ấy là do tội báo mà sanh ra. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy còn không có danh từ ba đường ác, hưởng là có thật! Các loài chim ấy là do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được lan truyền rộng khắp mà biến hóa ra).

Trong đoạn kinh văn này, đức Phật sợ có người nghe nói trong Tây Phương vẫn còn có bạch hạc, chim công v.v... thuộc về súc sanh đạo, vậy thì Tây Phương khác với thế giới này ở chỗ nào? Tại Tây Phương, những loài chim như vậy hoàn toàn chẳng có sanh mạng, đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra. Toàn thể cấu tạo của Tây Phương là do từ-kheo Pháp Tạng đối trước tòa của đức Thế Tự Tại Vương Phật, nương vào oai thần của Phật, tham khảo tình hình trong các thế giới Phật ở khắp mười phương, tập hợp những điểm tốt đẹp nhất để tạo thành. Không riêng gì các loài chim thuyết pháp, mà thậm chí cây báu, nước chảy đều có thể thuyết pháp, đều do A Di Đà Phật hóa ra. Thuở còn trẻ, tôi thích đọc những sách như Liêu Trai Chí Dị, chưa từng thấy quỷ, nhưng đã thấy hồ ly. Trong thời kỳ Kháng Chiến, tôi sống trong nhà một người giàu có tại Hành Sơn thuộc tỉnh Hồ Nam. Nhà ấy đã suy vi, trên lầu không có ai ở, nghe nói có hồ ly, rất nhiều người đã thấy. Tôi chỉ thấy một người đàn ông mặc áo dài bằng vải xanh, nhưng mặt mũi lơ mờ không rõ ràng. Ngoài ra, quê tôi sản xuất gạo, có một người họ hàng đóng đầy một thuyền gạo, tính chở sang Nam Kinh bán. Trong lúc thuyền sắp nhổ neo,

⁹ Biệt tướng ở đây chỉ cho từng tướng riêng biệt của mỗi pháp. Các pháp có tổng tướng (tướng chung cho vạn pháp), tổng tướng ấy là Giả vì mỗi pháp đều do duyên sanh. Do phân biệt, so lường nên thấy mỗi pháp có tướng riêng biệt, đó gọi là Biệt Tướng.

có người thấy một con vật giống con chồn lông vàng chạy lên thuyền, nhưng tìm khắp nơi không thấy, bèn vẫn theo đúng giờ khởi hành. Đến Nam Kinh, cả một thuyền đầy gạo không còn gì, chỉ toàn là bao rỗng, chung hững quay về. Đến nhà rồi mới thấy gạo chở đi còn nguyên trong kho. Chắc là người buôn gạo ấy đắc tội với nó nên nó mới giờ trò như vậy. Đây là điều chính tôi mắt thấy tai nghe. Trên thế giới chuyện kỳ lạ gì cũng có. Rất nhiều nhà tôn giáo ở Ấn Độ có công phu định lực có thể thấy được những chuyện giống như thế, họ nhìn thấy lục đạo rất rõ ràng, chỉ biết lẽ đương nhiên, chứ không biết nguyên do sự tình phát sanh như thế nào? Kết quả về sau ra sao họ cũng không biết! Chỉ riêng kinh Phật là giảng lý sự nhân quả tường tận nhất.

A Di Đà Phật do đại nguyện từ bi, giúp đỡ con người đời nghiệp vãng sanh, sanh về Cực Lạc thế giới là nơi có hoàn cảnh tu học tốt đẹp và thiện duyên thù thắng, chẳng đến nỗi nầy sanh một vọng niệm nào. Do vậy, Cực Lạc thế giới giống như một lớp học vĩ đại, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương hết thảy chư Phật cổ vũ, khích lệ chúng ta vãng sanh Cực Lạc thế giới là vì nguyên nhân này. Nói thật ra, vãng sanh Tây Phương dễ hơn sanh lên trời. Tôi sống tại Câu Tử Khẩu, Đài Bắc, cách vách có một nhà thờ Thiên Chúa, linh mục là tiên sinh Phương Hào, ông ta chỉ tốt nghiệp Sơ Trung (học hết cấp hai), tự tu thành tựu. Ông ta là chuyên gia về Sử đời Tống, là viện sĩ viện nghiên cứu văn hóa Trung Quốc, và là viện trưởng viện văn học của Quốc Lập Chánh Trị Đại Học, thường mượn tôi Đại Tạng Kinh để đọc. Ông ta nói: “Kinh Phật giảng Thiên Đường tử mĩ hơn Thánh Kinh, chắc là Phật đã thật sự đến được Thiên Đường!” Cõi trời có rất nhiều tầng, điều kiện sanh lên trời chẳng dễ dàng. Trời có đức hạnh cao hơn người. Đức Phật nói điều kiện để sanh lên trời là Thập Thiện Nghiệp đạo. Đây là tiêu chuẩn của Dục Giới Thiên. Nếu muốn sanh lên Sắc Giới Thiên ắt phải tu Tứ Vô Lượng Tâm, tức Từ, Bi, Hỷ, Xả và Tứ Thiên Bát Định, khó hơn sanh về Tây Phương nhiều lắm.

(Giải) Trung thích khả tri.

Vấn: Bạch hạc đằng, phi ác đạo danh da?

Đáp: Ký phi tội báo, tắc nhất nhất danh tự, giai thuyên Như Lai cứu cánh công đức. Sở vị cứu cánh, bạch hạc đằng, vô phi tánh đức mỹ xưng, khởi ác danh tai!

Vấn: Hóa tác chúng điều hà nghĩa?

Đáp: Hữu Tứ Tất Đàn nhân duyên. Phàm tình hỷ thử chư điều, thuận tình nhi hóa, linh hoan hỷ cố. Điều thượng thuyết pháp, linh văn sanh thiện cố, bất u điều khởi hạ liệt tướng, đối trị phân biệt tâm cố. Điều tức Di Đà, linh ngộ Pháp Thân bình đẳng, vô bất cụ, vô bất tạo cố. Thử trung hiển vi phong, thụ, vãng đẳng âm, cập nhất thiết y chánh giả thật, đương thể tức thị A Di Đà Phật. Tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã.

(解)徵釋可知。問。白鶴等。非惡道名耶。答。既非罪報。則一一名字。皆詮如來究竟功德。所謂究竟。白鶴等。無非性德美稱。豈惡名哉。問。化作眾鳥何義。答。有四悉檀因緣。凡情喜此諸鳥。順情而化。令歡喜故。鳥尚說法。令聞生善故。不於鳥起下劣想。對治分別心故。鳥即彌陀。令悟法身平等。無不具。無不造故。此中顯微風樹網等音。及一切依正假實。當體即是阿彌陀佛。三身四德。毫無差別也。

(Giải: Lời Phật gạn hỏi và lời Ngài tự giải thích dễ hiểu.

Hỏi: Những danh từ như bạch hạc v.v... chẳng phải là danh xưng trong ác đạo ư?

Đáp: Đã không có tội báo thì mỗi một danh từ đều nói lên công đức rất ráo của Như Lai. Đã nói là rất ráo thì những danh từ như bạch hạc v.v... không gì chẳng phải mỹ hiệu của tánh đức, há có phải là ác danh vậy thay!

Hỏi: [A Di Đà Phật] hóa ra các loài chim có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Có nhân duyên của Tứ Tát Đàn. Phàm tình¹⁰ ưa thích những loài chim ấy nên thuận theo lòng chúng sanh ưa thích mà hóa ra, khiến cho [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] hoan hỷ. Chim còn có thể thuyết pháp, khiến cho người nghe sanh điều thiện, sẽ chẳng khởi ý niệm coi những con chim ấy là kém hèn, nhằm đối trị cái tâm phân biệt. Chim chính là Di Đà, khiến cho [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] ngộ Pháp Thân bình đẳng, không gì chẳng đầy đủ, không gì chẳng tạo. Trong đoạn này chỉ rõ: Âm thanh của gió nhẹ, cây cối, lưới báu v.v... và hết thấy y báo, chánh báo là “giả thật”, bản thể của chúng là A Di Đà Phật. Ba thân, bốn đức, chẳng sai biệt mảy may).

Nếu có người nêu câu hỏi: Bạch hạc, chim công v.v... chẳng phải là tên gọi trong ác đạo ư? Sao kinh nói “*thượng vô ác đạo chi danh, hạ hướng hữu thật*” (còn không có danh từ ác đạo, hướng là thật sự có?) Pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có tiêu chuẩn tuyệt đối dành cho chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác. Chẳng hạn như đối với thiện, ác, tà, chánh, tiêu chuẩn của cổ nhân khác với hiện thời, xưa nay không giống nhau. Trong và ngoài nước cũng khác nhau. Đó gọi là “*người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí*”. Theo cách nhìn của phàm phu, bạch hạc, chim công thuộc súc sanh đạo, nhưng trong cách nhìn của Phật, Bồ Tát, như kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác đã nói, “*hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Không riêng gì súc sanh đạo mà ngọc quý, địa ngục cũng là danh hiệu xứng tánh rất ráo; nhất là sống trong xã hội hiện thời, giao thông, thông tin phát triển, toàn thể địa cầu gần giống như một quốc gia, nhưng lịch sử, văn hóa, quan niệm đạo đức, tập quán sinh hoạt của mỗi nước đều khác nhau. Nếu chẳng hiểu cặn kẽ, hợp tác với nhau, sẽ khó tránh khỏi nảy sanh chướng ngại xung đột. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, hoàng dương Phật pháp chỉ hạn chế trong phạm

¹⁰ Phàm tình: Tình thức, tình cảm của phàm phu.

vi Phật học, tối đa là dính dáng đến tư tưởng của Nho, Đạo, bá gia chư tử. Còn hoàng pháp trong hiện tại, đối với nội dung của sáu tôn giáo lớn¹¹ trên thế giới và lịch sử dân tộc các nước, nếu chẳng hiểu rõ, ắt sẽ gặp trở ngại, mâu thuẫn. Tôi đến nước Mỹ, trước hết, đọc lịch sử, phong tục, tập quán, văn hóa nước Mỹ; vì để lợi ích hết thảy chúng sanh, hoàng dương Phật pháp thì cần phải hiện đại hóa, địa phương hóa. Phật giáo truyền đến Trung Quốc vào năm sáu mươi bảy Công Nguyên, đã hợp thành một thể với văn hóa Trung Quốc, hoàn toàn chẳng thể tách rời. Phật giáo truyền vào Trung Quốc liền bị Trung Quốc hóa, địa phương hóa, hòa lẫn thành một khối với tư tưởng, tập quán sinh sống, đạo đức, luân lý của người Trung Quốc. Do vậy, Phật giáo được toàn dân Trung Quốc tiếp nhận, biến thành văn hóa của chính Trung Quốc.

Có một mục sư người Mỹ rất cảm khái, bảo tôi: “Cơ Đốc Giáo truyền vào Trung Quốc chừng một trăm ba mươi hay một trăm bốn mươi năm trước, đã phải rất nhiều người sang công tác tại Trung Quốc, đến nay mới chỉ có hơn một trăm vạn tín đồ, thật đáng than thở!” Ông ta chẳng biết vì sao thất bại đến như thế! Là vì họ chẳng hiểu rõ lịch sử văn hóa Trung Quốc, họ muốn theo đuổi đường lối trái ngược văn hóa Trung Quốc. Người Trung Quốc lấy hiếu đạo làm gốc, họ chẳng thờ tổ tiên tức là đã mất gốc, chẳng thể nào dung nạp giáo nghĩa của bọn họ được, khiến cho những người Trung Quốc học theo người ngoại quốc, hễ có hiểu biết đôi chút liền hoàn toàn chẳng chịu “*sổ điển vong tổ*” (tính đếm sách vở, quên mất tổ tiên, ý nói: mất gốc)¹². Thuở đầu, Phật giáo xây dựng đạo tràng, chọn cách kiến trúc theo lối cung điện Trung Quốc. Nếu dùng kiến trúc theo kiểu Ấn Độ, sợ rằng sẽ khó thể phát triển được! Tổng cương lĩnh của Phật pháp là “giác, chánh, tịnh”. Giác ngộ viên mãn, chánh tri chánh kiến viên mãn, tâm thanh tịnh viên mãn thì gọi là thành Phật. Vì sao hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật? Phật nói “giác, chánh, tịnh” trong tự tánh của hết thảy chúng sanh vốn đã viên mãn. Các nhà tôn giáo tán thán Thượng Đế là toàn tri toàn năng; nhưng kinh Đại Thừa nói “toàn tri, toàn năng là tự tánh của mỗi cá nhân, tánh đức chính là toàn tri, toàn năng”. Hiện thời chúng ta có vọng tưởng, chấp trước, khiến cho toàn tri toàn năng bị chướng ngại. Tuy có trí năng, nhưng không thể hiển lộ được. Đức

¹¹ Sáu tôn giáo lớn: Do Thái Giáo (Judaism), Thiên Chúa Giáo (Cơ Đốc Giáo), Hồi Giáo, Bà La Môn Giáo (Ấn Độ Giáo, Hinduism), Phật giáo và Đạo Giáo.

¹² “*Sổ điển vong tổ*” (數典忘祖) là một thành ngữ ngụ ý chê trách những kẻ chỉ biết chạy theo những học thuyết hoặc cậy vào học thức, hoặc những chuyện trước mắt, không nhớ đến nguồn cội. Điển tích này xuất phát từ câu chuyện sau đây trong Sử Ký: Vợ vua Châu Cảnh Vương thời Đông Châu tạ thế. Theo lễ nghi, các chư hầu phái người đem lễ vật tới điếu tang. Nước Tấn sai Tịch Đàm sang trước. Tịch Đàm không mang theo lễ vật gì, Châu Cảnh Vương bực mình, hỏi vì sao không mang lễ vật, Tịch Đàm trả lời: “Các nước đều chịu ân huệ nhà Châu, chứ nước tôi từ trước đến giờ chẳng nhận được gì, nên không dâng lễ vật”. Cảnh Vương nói: “Tổ tiên nước Tấn là Đường Thúc, là anh em của Châu Thành Vương, há đất Tấn chẳng phải là đất được nhà Châu phong thưởng đó ư?” Rồi vua lại nói: “Chẳng phải là tổ tiên nhà ngươi chuyên chường quản sách vở của nước Tấn đó ư? Sao nhà ngươi chẳng biết lịch sử nước Tấn chút nào vậy?” Tịch Đàm cứng họng, ngượng ngùng thoái lui. Châu Cảnh Vương chê: “Tịch Đàm đúng là kẻ chỉ biết đếm số sách, quên mất tổ tiên”.

Phật chẳng ban cho con người cái gì cả, Đại Thừa Khởi Tín Luận chép: “*Bổn giác vốn có, bất giác vốn không*”. Đã vốn có thì đương nhiên sẽ có thể khôi phục; vốn không thì tự nhiên sẽ trừ được. Hiểu rõ đạo lý này, ắt sẽ có tín tâm trong phương diện tu học, nhất định có thể thành tựu trí huệ đức năng của chính mình. Trí huệ đức năng hiện tiền [mới là điều đáng kể], còn những phước báo mà người thế gian mong cầu chính là lông gà, vỏ tỏi. Đáng sợ nhất là mê, tà, nhiễm! Giác, chánh, tịnh là tánh đức, nhưng mê, tà, nhiễm có bao giờ tách khỏi tánh đức? Do vậy, mới nói “*mê và ngộ không hai, nhiễm tịnh hết như một*”. Hiểu rõ đạo lý này thì đoạn kinh văn này sẽ dễ hiểu. Bất cứ một danh tự nào đều nhằm trình bày, giải thích công đức rốt ráo của Như Lai. Hết thảy những sự đặt bày trong thế giới Cực Lạc đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra.

Lại có kẻ hỏi: “*Hóa ra các loài chim là do ý nghĩa nào?*” Đáp: “*Có bốn nhân duyên Tát Đàn*”. “*Tát*” là phổ biến bình đẳng, “*đàn*” là bổ thí. Phật giáo hóa chúng sanh, điều kiện thứ nhất là làm cho người tiếp nhận sự giáo hóa ấy sẽ sanh tâm hoan hỷ. Tiếp đó, chim có thể thuyết pháp, người chẳng bằng chim, nên có thể tự cảnh tỉnh, răn nhắc chính mình. Vốn coi thường loài chim chóc, chúng có thể thuyết pháp khiến cho con người sanh lòng kính nể, bèn đoạn trừ cái tâm ngạo nghễ, ngã mạn. Chim là vật được biến hóa từ tự tánh của A Di Đà Phật, khiến cho con người hoảng nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây chính là lợi ích thù thắng nhất. Đức Phật thuyết pháp, trước hết quán sát căn cơ, phương pháp dạy học rất cao minh. Trước hết, quán sát trình độ căn cơ, sự yêu thích, thói quen sống, bối cảnh tư tưởng của chúng sanh, điều gì cũng hiểu rõ, rồi mới thuyết pháp khế cơ, tất nhiên sẽ phù hợp rất tốt đẹp. Chúng tôi dạy học hoặc giảng kinh trên bục giảng, từ những nguyên tắc dạy học của Phật mà đạt được khai thị rất lớn. Tóm lại, có mấy điều như sau:

1) Vì sao phải giảng kinh? Ví dụ như chúng sanh đều đang mê, đức Phật giảng kinh để làm cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chúng sanh tri kiến bất chánh, tư tưởng sai lầm, [đức Phật] giảng kinh nhằm uốn nắn tâm họ. Tâm địa họ ô nhiễm, giảng kinh để tâm họ được thanh tịnh.

2) Giảng cho ai? Con người có lợi căn, độn căn; căn tánh mỗi người mỗi khác, ắt phải hiểu rõ đối tượng. Trong xã hội, người đi học muốn hiểu rõ lý, người làm ăn muốn kiếm tiền, công tác, sự nghiệp của mỗi chúng sanh đều khác biệt! Cùng một bộ kinh điển, có đủ mọi cách giảng khác nhau, đều là vận dụng sống động. Bất luận áp dụng vào nghề nghiệp nào đều được hoan nghênh. Đời Tống, Triệu Phổ dùng nửa bộ Luận Ngữ để trị thiên hạ, [Luận Ngữ] là một bộ sách rất nổi tiếng. Tống Thái Tổ dùng Triệu Phổ làm Tể Tướng để xây dựng chánh quyền. Về sau, Tống Thái Tông tức vị (lên ngôi), vẫn dùng Triệu Phổ làm Tể Tướng. Ông ta tâm với Tống Thái Tông: “*Thần có một bộ Luận Ngữ, dùng nửa bộ phù tá Thái Tổ định thiên hạ, dùng nửa bộ để phù tá bệ hạ đạt đến thái bình*”. Dùng một bộ Luận Ngữ vận dụng vào quân sự, chính trị cho đến công thương nghiệp. Do những điều đã nói trong kinh điển đều là nguyên lý, nguyên tắc, nhưng trên phương diện ứng dụng, mỗi nơi mỗi khác. Vận dụng khéo léo là nhờ nhất tâm.

3) Giảng vào lúc nào? Xã hội bình trị hay loạn lạc khác nhau, quốc gia hưng thịnh hay suy vong cũng khác nhau, nhỏ thì như một năm có bốn mùa, tình cảm con người cũng biến hóa, ắt phải khế cơ, phải chú ý thấu hiểu, phải hiểu rõ thời tiết, nhân duyên hồng ứng hợp căn cơ.

4) Dùng phương pháp nào để giảng khiến cho chúng sanh vui vẻ tiếp nhận, lại còn có thể lãnh ngộ, đạt được lợi ích chân thật.

Đức Phật giáo hóa giống như vậy đó. Trong kinh nhắc đến những loài chim như bạch hạc, công v.v... là do A Di Đà Phật thuận theo sự ưa thích của chúng sanh mà biến hóa ra, để làm họ vui thích. Do vậy, Phật giáo hoàng pháp tại các nơi, chẳng phá hoại tín ngưỡng, tập quán sinh hoạt và bối cảnh văn hóa của dân địa phương, vẫn gìn giữ những khuôn khổ cũ. Dùng phương pháp này để dạy dỗ thì gọi là Thế Giới Tất Đàn.

Thứ hai là Vị Nhân Tất Đàn, là nội dung và thành quả của sự dạy dỗ nhằm giúp cho người ta đoạn ác, tu thiện. Phong tục, tập quán của Trung Quốc và cổ Ấn Độ có nhiều chỗ khá giống nhau, chẳng hạn như giềng mối đạo đức của Trung Quốc được kiến lập trên nền tảng hiếu đạo, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy thì Phật pháp cũng giống như vậy. Kinh Địa Tạng là Hiếu Kinh trong nhà Phật, đại địa chứa đựng vô lượng kho báu, chúng ta phải dựa vào nó để sanh tồn. “Địa” biểu thị tâm địa, tâm địa có vô lượng trí huệ, đức năng, tài nghệ, chẳng cày cấy nơi đất sẽ chẳng thể thâm hoạch ngũ cốc, các loại lương thực, chẳng đào bới kho tàng dưới đất thì chẳng thể sử dụng được. Kho báu trong tâm địa phải dùng hiếu kính để đào bới, có hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy thì tánh đức của chính mình mới tỏ lộ rộng lớn.

“*Bát u điểu khởi hạ liệt tướng*” (Chẳng khởi ý tưởng nghĩ những loài chim ấy là hèn kém) chính là Đối Trị Tất Đàn, chẳng khinh thị chúng sanh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: Hữu tình và vô tình đều cùng viên thành Chung Trí. Không chỉ động vật là bình đẳng, mà thực vật, khoáng vật cũng phải bình đẳng. Chúng đều do duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Thiên gia nói: “*Khi chưa ngộ, đâu đâu cũng là chướng ngại, lúc đã ngộ, tùy ý lấy một vật nào cũng đều là Chân Như bốn tánh, thứ gì cũng là đạo, nơi nào cũng là nguồn, vạn pháp bình đẳng*”. A Di Đà Phật do tự tánh của chúng ta biến hiện, đó gọi là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới, có vật nào chẳng phải do tự tánh biến hiện? Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm. Tâm và pháp là một, chẳng phải hai. Tâm là Năng Biến, pháp là Sở Biến. Ví như tâm là vàng, pháp là đồ vật, đồ vật và vàng có tách rời nhau hay không? Thông đạt nghĩa này, sẽ biết chúng sanh và Phật bình đẳng, hữu tình và vô tình bình đẳng, hết thảy muôn pháp bình đẳng, liền ngộ Pháp Thân bình đẳng. “*Vô bất cụ*” (không gì chẳng đủ) là như Lục Tổ khi khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ*”. “*Vô bất tạo*” (không gì chẳng tạo) là như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”. Nếu hiểu rõ đoạn kinh văn này thì sẽ ngộ nhập cảnh giới ấy, liền giống hệt như Lục Tổ đại sư.

“*Thử trung hiển vi phong, thu, vông đặng âm, cập nhất thiết y chánh giả thật, đương thể tức thị A Di Đà Phật, tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã*” (Trong đoạn này chỉ rõ: Âm thanh của gió nhẹ, cây cối, lưới báu v.v... và hết thấy y báo, chánh báo là “giả thật”, bản thể của chúng là A Di Đà Phật. Ba thân, bốn đức, chẳng sai biệt mây may): Lãnh hội thấu triệt những nghĩa trên đây thì đoạn chú giải nhỏ này chẳng cần phải giải thích nữa. Đoạn văn trước đó nói về chim là hữu tình chúng sanh, còn đoạn này nói đến vô tình chúng sanh, mà cũng là sự thật của “*vô bất cụ*” và “*vô bất tạo*” như trong đoạn trước đã nói. “*Vi phong*” (gió nhẹ) là không khí chuyển động mà cũng là tướng được hiện bởi tự tánh của chúng ta. Đức Phật thường nói “y báo chuyển theo chánh báo”. Y báo là hiện tượng vật chất, chánh báo là tâm. Tâm là chủ tể, vận mạng cả đời của mỗi người đều đã định sẵn, [số mạng định sẵn ấy không do Thượng Đế hay do một vị chúa tể nào quyết định mà là] do tâm thiện hay ác mà có. Tâm thiện thì hành vi ắt thiện, ắt được thiện báo, cả đời hạnh phúc. Thân là chánh báo, những vật ngoài thân và hoàn cảnh, hư không đều thuộc y báo. Đời thái bình, nhân dân cơm no áo ấm, lòng người thuần hậu. Thuở loạn động, lòng người gian dối, tà ngụy, cảm vờ thiên tai, nhân họa. Trong ấy có công nghiệp và biệt nghiệp. Trong công nghiệp có biệt nghiệp, đại chúng tuy cùng sống trong đời ác, nhưng mỗi cá nhân cảm nhận họa phúc khác nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới thuần thiện không ác, đều tu Tịnh nghiệp, tâm tịnh ắt cõi nước tịnh. Huống hồ còn có một vị tu giác chánh tịnh đến viên mãn rốt ráo là A Di Đà Phật chủ trì sự giáo hóa tại Tây Phương. Tâm chúng ta thanh tịnh cảm ứng đạo giao với “giác, chánh, tịnh” của Phật; cho nên hết thấy hoàn cảnh vật chất, hết thấy y báo và chánh báo là “*giả thật*”, bản thể của nó chính là tam thân và tứ đức của A Di Đà Phật, không có mây may sai biệt nào! Chử Giả chỉ vạn pháp được biến hiện, Thật chỉ tâm tánh Năng Biến.

“*Tam thân*” của A Di Đà Phật là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Nói theo Lý, Pháp Thân chính là chân tâm bản tánh. Nói theo mặt Sự thì là hết thấy vạn pháp; hết thấy vạn pháp đều là chính mình. Ý nghĩa này hết sức khó hiểu! Ví như nằm mộng, trong mộng có bản thân ta và núi, sông, đại địa, người, vật, hoàn toàn do cái tâm ý thức của ta biến hiện ra. Ngoài tâm không có pháp, hết thấy mọi thứ tồn tại trong vũ trụ chỉ là chính mình. Nếu quý vị nhận biết điều này rõ ràng thì quý vị chúng được Pháp Thân. Sau khi chúng được Pháp Thân, sẽ thương yêu hết thấy mọi người, hết thấy chúng sanh là chính mình; cho nên yêu thương chúng sanh vô điều kiện. Đây gọi là “*vô duyên đại từ*”, “*vô duyên*” là vô điều kiện, từ bi là yêu thương. Yêu thương hết thấy chúng sanh tức là yêu thương chính mình. Báo Thân là trí huệ. Ứng Hóa Thân là Dụng, [tức là] dùng Ứng Hóa Thân để thực hành đại từ đại bi. Tam Thân là một Thể, Phật có đủ ba thân, chúng ta cũng có đủ ba thân, nhưng do mê nên không có trí huệ, Pháp Thân tuy ở trước mắt mà chẳng biết gì. Thân thể hiện thời của chúng ta là thân nghiệp báo.

“*Tứ đức*” là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. “*Thường*” là bất sanh, bất diệt. Chúng ta đang mê, những gì ta cảm nhận đều là pháp sanh diệt. Chúng ta dùng cái tâm

sanh diệt để quán sát vũ trụ nhân sinh nên hết thấy pháp đều là sanh diệt. Tâm Phật là chân tâm, chân tâm vô niệm, bất sanh bất diệt. Dùng chân tâm quán sát nhân sinh và vũ trụ thì đều là bất sanh bất diệt, thấy được chân tướng sự thật. Chúng ta định tâm lại, trừ bỏ vọng tưởng, chấp trước, sẽ thấy cảnh giới giống như chư Phật, Bồ Tát đã nói. Hết thấy những cảnh giới mà đức Phật đã nói, chúng ta đều có thể đích thân chứng đắc. Kinh Phật định nghĩa Ngã là “chủ tử”. Nếu chính mình có thể làm chủ tử thì lẽ ra năm nào cũng là năm mười tám tuổi, tự tại chẳng cần phải nói nữa, trong cuộc sống vạn sự xứng tâm vừa ý. Hễ có một sự kiện nào chẳng vừa lòng tức là chẳng tự tại. Đến khi mình tâm kiến tánh thì mới thật sự được tự tại. “Lạc” là chân lạc, vĩnh viễn chẳng khổ, không có phiền não, vĩnh viễn thanh tịnh, quyết định chẳng bị ô nhiễm mây may nào. Trong Tây Phương, ai nấy đều viên mãn trọn đủ “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”. Nhìn lại chúng ta trong lục đạo, chẳng những con người không được tự tại mà trời cũng chẳng hề tự tại! Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên thọ mạng tám vạn đại kiếp, khi hết tuổi thọ, lại phải đọa lạc. Do vậy, trong lục đạo không có Tứ Đức (Thường, Lạc, Ngã, Tịnh). Trong ấy, trọng yếu nhất là tinh nghĩa (nghĩa lý tinh vi) “*chúng sanh và Phật chẳng hai*”, bình đẳng với Phật. Bình đẳng về mặt Lý, mà về mặt Sự cũng bình đẳng. Hiện thời có một giả tướng bất bình đẳng là do mê hay ngộ khác nhau. Phật là giác, chúng ta là mê, trừ điều ấy ra, không có gì khác nhau. Do vậy, Phật tôn kính chúng sanh, vì Ngài biết chúng sanh và Phật trọn chẳng sai biệt, nhưng chúng sanh chẳng hoàn toàn cung kính Phật. Chúng sanh có kẻ ngạo nghễ, ngã mạn là vì họ chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, còn chúng ta phải tôn kính người khác. Người khác chẳng cung kính chúng ta là chuyện đương nhiên, vì họ chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Chẳng tôn kính người khác chính là chẳng tôn kính chính mình, mà cũng là chẳng tôn kính cha mẹ, sư trưởng, Phật, Bồ Tát, đặc biệt là đối với những tôn giáo khác! Ở Mỹ, tôi đã từng viếng thăm giáo đường của Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo. Vào giáo đường phải hành lễ. Tôn trọng họ, họ cũng hoan hỷ tiếp đón tôi. Thượng Đế của họ là thượng đế của tôi, Thượng Đế là quốc vương trong thiên giới. Đối với nguyên thủ của quốc gia khác, chúng ta cũng phải tôn kính, đây chính là lễ tiết. Nho Gia nói: “*Kính quý thần nhi viễn chi*” (Kính trọng quý thần, nhưng không thân cận họ). Do trước kia không hoàn toàn hiểu rõ ràng tình hình quý thần nên phải giữ khoảng cách đối với họ. Phật pháp không có khoảng cách, quý thần cũng là chúng sanh, cũng là vật được biến hiện trong tâm. Do vậy, họ là chính mình. Ở đây nói: “*Tức thị A Di Đà Phật, tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã*” (Chính là A Di Đà Phật, ba thân, bốn đức, không sai biệt mây may nào), cũng có nghĩa là tam thân, tứ đức của chính mình cũng chẳng có sai biệt mây may nào! Nếu nói đến Thượng Đế thì tam thân, tứ đức của Thượng Đế cũng chẳng có mây mai sai biệt nào. Trong tâm không có chút giới hạn nào, tâm lượng mở rộng đến tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới. Tâm lượng rộng lớn sẽ vui sướng, khí lượng hẹp hòi thì đối với ý kiến trái ngược sẽ khởi lên xung đột, khổ chẳng thể nói nổi, đều do tự mình chuốc lấy, Phật chẳng hoạch định giới hạn đối với hết thấy chúng sanh, vạn vật; vì thế, “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”

(tâm bao trùm trọn khắp thái hư, lượng trọn khắp các cõi với số lượng nhiều như cát).

(Kinh) Xá Lợi Phát! Bĩ Phật quốc độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

(Giải) Tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp, tứ giáo đạo phẩm, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn thuyết, tùy loại các giải, năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã. Niệm Tam Bảo, thị tùng Tất Đàn hoạch ích. Phàm phu sáng văn, đại dũng biến thân, thị hoan hỷ ích. Dữ Tam Bảo khí phận giao tiếp, tất năng phát Bồ Đề tâm, thị sanh thiện ích. Do thử phục diệt phiền não, thị phá ác ích. Ngộ chứng Nhất Thể Tam Bảo, thị nhập lý ích dã. Sơ biệt minh cánh.

(經)舍利弗。彼佛國土。微風吹動。諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生。念佛。念法。念僧之心。

(解)情與無情。同宣妙法。四教道品。無量法門。同時演說。隨類各解。能令聞者。念三寶也。念三寶。是從悉檀獲益。凡夫創聞。大踴遍身。是歡喜益。與三寶氣分交接。必能發菩提心。是生善益。由此伏滅煩惱。是破惡益。悟證一體三寶。是入理益也。初別明竟。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và màn lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc tấu lên. Kẻ nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Giải: Hữu tình và vô tình cùng tuyên diệu pháp, [diệu pháp ấy chính là ba mươi bảy] đạo phẩm của tứ giáo [Tạng, Thông, Biệt, Viên], vô lượng pháp môn, cùng lúc diễn nói, tùy theo từng loài, loài nào cũng hiểu, khiến cho người nghe niệm Tam Bảo. Niệm Tam Bảo là do [bốn môn] Tất Đàn mà được lợi ích. Phàm phu vừa nghe những pháp ấy, khắp thân rung động, là lợi ích hoan hỷ. Được tiếp xúc với khí phận¹³ Tam Bảo, ắt có thể phát Bồ Đề tâm, là lợi ích “sanh ra điều

¹³ “Khí phận”: Theo nghĩa gốc, khí phận là giới hạn giữa người và vật. Đây là nghĩa được dùng đầu tiên trong sách Không Tử Gia Ngữ. Về sau, chữ này được dùng với nghĩa rộng hơn, có nghĩa là “tiếp nhận khí chất, phẩm tánh của một hạng người nào đó”, như trong bài Pháp Vân Tự Lễ Bái Thạch Ký, Tô Thức đã viết: “Văn ngữ Phật tu đạo thời, sơ nê sào đỉnh, chiêm Phật khí phận, hậu giai thọ báo” (Nghe nói khi đức Phật ta tu đạo, chim chóc tha bùn cỏ làm tổ trên đỉnh đầu Ngài, được tiêm nhiễm khí phận của Phật, về sau chúng đều được hưởng báo). Khí phận cũng thường được dùng như một khái niệm bao gồm “tánh chất, phẩm đức, thiên hướng”.

lành”. Do vậy, chế phục, diệt trừ phiền não, đây là lợi ích “phá ác”. Ngô chứng Nhất Thế Tam Bảo là lợi ích “nhập Lý”. Phần giảng riêng thứ nhất [tức phần giảng về sự trang nghiêm nơi y báo] đã xong).

Nội dung của đoạn kinh văn này nói về hàng cây diễn nói pháp [trong cõi Cực Lạc]. Những con chim nói trong phần trước là loài hữu tình, trong đoạn này nói về loài vô tình. Trong Cực Lạc thế giới, hiện tượng này hết sức rõ rệt. Người nào cũng dễ dàng đạt được lợi ích do nghe pháp. Thật ra, sáu trần thuyết pháp thì thế giới Sa Bà cũng chẳng nằm ngoài lệ ấy, nhưng do hết thấy đại chúng căn tánh bế tắc, nhìn mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe. Nếu là người căn tánh lạnh lợi thì có thể cảm nhận được. Như trong lịch sử, truyện ký đã chép, ông Tô Đông Pha ở Lô Sơn nghe tiếng nước chảy, làm thơ có câu rằng: “*Khê thanh tiện thị quang trường thiết, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân*” (Sắc núi khác gì thân thanh tịnh, tiếng suối chính là lưỡi rộng dài). Nghe khá có thiền vị. Từ các thứ âm thanh, hình sắc trong tự nhiên, người thông minh có thể khai ngộ; trong nhà Thiền có những người khai ngộ như vậy. Trong Tây Phương thế giới, những âm thanh phát ra từ hữu tình hay vô tình chúng sanh đều là giảng kinh, thuyết pháp, thậm chí trong tâm chúng ta có nghi hoặc thì loài vô tình chúng sanh cũng có thể giải đáp cho chúng ta, lại còn đều là thuyết pháp thuần chánh, không sai lạc.

“*Tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp*” (Tình và vô tình cùng tuyên pháp nhiệm màu), Tình là động vật, Vô Tình là khoáng vật và thực vật. Tất cả hết thảy vạn vật đều có Tánh, hữu tình chúng sanh có Phật Tánh, còn vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một. Vì là cùng một tánh nên hữu tình chúng sanh có thể thành Phật, mà vô tình chúng sanh cũng có thể thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí*”. Trừ Đại Thừa Phật pháp ra, [trong các giáo pháp khác] chưa từng nghe nói điều này. Trong kinh, đức Phật nói, hữu tình chúng sanh thành Phật, vô tình chúng sanh cũng liên đới thành Phật. Nhà Thiền nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Khi mê thì thấy là sắc tướng, khi đã giác ngộ thì từ Tướng có thể thấy được Tánh. “*Tình và vô tình, cùng tuyên pháp nhiệm màu*”. Pháp vốn là như vậy nên gọi là “*diệu*”, khiến cho hết thảy chúng sanh hễ tiếp xúc liền có thể minh tâm kiến tánh thì mới gọi là “*diệu*”. Nội dung của diệu pháp [được tuyên nói bởi hữu tình và vô tình chúng sanh] là “*tứ giáo đạo phẩm*”. Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên; “*đạo phẩm*” là ba mươi bảy đạo phẩm, là tông cương lãnh của hết thảy Phật pháp. Đạo phẩm là lý luận thuộc về Giải, còn pháp môn là phương pháp, thuộc về Hạnh. Cổ nhân chia [nội dung của Phật pháp] thành bốn loại lớn là Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Diễn và nói cùng một lúc thì cũng là biểu diễn, nêu gương cho chúng ta thấy.

“*Tùy loại các giải*”, có người muốn nghe Hoa Nghiêm, có người muốn nghe Pháp Hoa, mỗi người đều được nghe pháp xứng với ý nguyện, đây thật là nhiệm chẳng thể nói được. Tại Tây Phương thế giới, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, vô lượng kinh, luận, pháp môn đều được loài hữu tình và vô tình tuyên giảng cho hành giả, không chỉ tuyên giảng mà còn biểu diễn. Trong kinh Hoa Nghiêm,

Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lượt chính là biểu diễn. Năm mươi ba vị thiện tri thức hằng ngày xử thế, đãi người, tiếp vật, đem những lý luận, cảnh giới trong kinh điển biến thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Đủ thấy kinh chẳng ở trong sách vở mà nằm trong cuộc sống của chúng ta. Phải biến lý luận, giáo huấn, cảnh giới trong kinh thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Do vậy, Phật pháp coi trọng Hạnh và Quả, Quả là sự hưởng thụ. Ngày nay nói đến sự tu học của mỗi cá nhân, gia đình mỹ mãn, xã hội hài hòa, quốc gia giàu mạnh, thế giới hòa bình đều thuộc về Quả. Nếu tu học chẳng đạt kết quả thì sẽ biến thành huyễn học (học tập hư huyễn). Phật pháp giúp cho con người lý giải chánh xác chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, đối với hết thảy vạn pháp quyết định chẳng mê, ban cho nhân loại sự hưởng thụ tối cao.

“*Năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã*” (Có thể làm cho người nghe niệm Tam Bảo): Chữ Niệm (念) này chính là “*kim tâm*” (今心: cái tâm hiện tại), ngụ ý cái tâm hiện tại là “*giác, chánh, tịnh*”. Chân tâm bản tánh toàn thể hiển lộ thì gọi là Quả Đức. Trong kinh thường nói người học Phật thì điều thứ nhất là phải hiểu rõ nhân duyên, quả báo. Người ta chỉ mong đạt được quả báo tốt mà chẳng tu nhân, làm sao đạt được? Phú quý là quả báo, nhân và duyên của nó đều là bố thí. Trong đời quá khứ, hành bố thí là nhân, đời này có của cải, tiếp tục hành bố thí là duyên. Vì thế, đời sau ắt được phú quý. Đối với tình huống của việc làm ác thì cứ theo đó mà suy. Trong cửa nhà Phật, hễ cầu ắt ứng. A Di Đà Phật sáng tạo Tây Phương Cực Lạc thế giới, phàm ai sanh về Tây Phương thì hết thảy thụ dụng tự nhiên đầy đủ, đây là Tài Bố Thí. Tây Phương là thế giới bình đẳng, sáu trần thuyết pháp cũng là bình đẳng phổ biến, đây là Pháp Bố Thí. A Di Đà Phật tiếp dẫn hết thảy chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới vãng sanh, giúp họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đây là Vô Úy Bố Thí. Do Tài, Pháp, Vô Úy ba thứ bố thí đều viên mãn bày ra trước mặt chúng ta khiến cho người ta phải khoa chân múa tay. Chưa đến Tây Phương, chưa nghe nói qua, đến rồi ắt sẽ đích thân tự thấy.

“*Dữ Tam Bảo khí phận giao tiếp*” (tiếp xúc với khí phận của Tam Bảo), [chữ Tam Bảo] ở đây chỉ cho Tự Tánh Tam Bảo, tức “*giác, chánh, tịnh*”, trong tâm giác ngộ, chánh tri, chánh kiến trong mỗi niệm. Nói theo cách bây giờ là tư tưởng, kiến giải thuần chánh, hoàn toàn tương ứng với sự thật, thân tâm thanh tịnh. Thời khắc ấy chính là Bồ Đề tâm, mà cũng là giác chứ không mê. Giác cũng có mức độ khác nhau, mức giác ngộ lớn nhất là thật sự thấy rõ ràng thế giới này. Đức Phật nói thế giới này khổ, không, vô thường. Nếu chẳng giác ngộ, đời đời kiếp kiếp nhất định chịu khổ, lại còn càng lúc càng tệ hơn. Người giác ngộ khác hẳn người chưa giác ngộ. Kẻ chưa giác ngộ mê nơi cảnh giới, luân hồi trong sanh tử. Người giác ngộ tu đạo, thoát lìa con đường “*khổ, không, vô thường*”. Các học thuyết, khoa học, kỹ thuật, tôn giáo trên thế giới đều nhằm tìm ra con đường này. Nếu họ đã có thể giải quyết vấn đề thì Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cần phải đa sự đến thế gian này! Do người đời không tìm được con đường thoát khổ nên Phật Thích Ca mới giáng thế. Chúng ta cần phải tỉnh ngộ, nhận biết đời người rất cuộc

rỗng tuếch, sanh tử luân hồi chẳng ngừng nghỉ. Người giác ngộ lo toan cho cuộc đời mai sau. Đức Phật nói rất nhiều kinh luận Đại Thừa đều nhằm giúp chúng ta giải quyết vấn đề này; nhưng lý luận và phương pháp trong các kinh luận khó, dễ khác nhau. Từ vô thủy kiếp đến nay, tập khí, căn tánh, hoàn cảnh sống, bối cảnh thời đại của chúng ta khác nhau. Vì thế, phương pháp tu hành chẳng thích hợp cá tánh của chúng ta thì đời này nhất định bị luống uổng, chỉ có một biện pháp là niệm Phật. Từ xưa nay, rất nhiều vị cao tăng, đại đức nghiên cứu, tu học kinh giáo Đại Thừa trong một thời gian rất dài, đến cuối cùng quay về pháp môn Niệm Phật này, bỏ hết những pháp môn khác, gần như không có một vị nào chẳng thành tựu.

“*Do thử phục diệt phiền não, thị phá ác ích*” (do vậy, chế phục, diệt trừ phiền não, là lợi ích “phá ác”). “*Phục*” (chế phục, khuất phục) là công phu đầu tiên. Phiền não tuy có, nhưng chẳng khởi tác dụng. “*Sự nhất tâm*” là chế phục phiền não, “*Lý nhất tâm*” là diệt phiền não. Sự nhất tâm bất loạn thì vắng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư. Lý nhất tâm là sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang. Tuy chia ra giai đoạn như vậy, nhưng bốn cõi của Tây Phương được xếp thành hàng ngang, chẳng bị chướng ngại, hề sanh về một cõi sẽ sanh về hết thấy cõi. Đây chính là cảnh giới đặc biệt thù thắng nhất của Tịnh Độ. Niệm Phật cố nhiên là công phu trực tiếp, nhưng trong phương diện hành trì thường ngày, trong mỗi niệm đều mong giúp đỡ chúng sanh. Những gì thuộc vào khả năng của ta thì hãy tận hết sức thực hiện. Thấy chúng sanh trong thế giới này cần gì, chúng ta tận tâm tận lực góp sức một tay.

Nước Anh có một nhà sử học kiêm triết gia tên là Thang Ân Tỷ (Arnold Joseph Toynbee) có lần mở hội nghị quốc tế tại Âu Châu vào hai mươi hay ba mươi năm trước, nhằm diễn giảng học thuật. Ông ta nói thẳng thừng: “*Trong tương lai, nếu muốn thế giới thật sự đạt đến hòa bình thì chỉ có học thuyết Nho gia của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp mới có thể đảm nhận trách nhiệm ấy*”. Mấy câu nói này khiến lòng người rung động. Khi ấy, chủ giáo Vu Bản¹⁴ cũng tham dự hội nghị, ông ta trở về Đài Loan đề xướng cúng tế tổ tiên là do chịu ảnh hưởng từ bài diễn thuyết của Thang Ân Tỷ. Vị Giáo Hoàng tiền nhiệm của Thiên Chúa Giáo vào lúc tuổi già cũng thường đặc biệt ra lệnh cho các giáo khu phải tăng cường quan hệ với Phật giáo, nghiên cứu kinh điển Phật giáo. Chủ Giáo Vu Bản sáng lập Sở Nghiên Cứu Đời Sống Tinh Thần Châu Á tại Đài Loan, do Giám Mục Đoàn Á Châu chủ trì, đặt tại tu viện Đa Mã Tư (Thomas) ở phía sau

¹⁴ Chủ giáo (Episkopos) là cách người Hoa gọi chức vụ Giám Mục (Bishop) trong giáo hội Công Giáo (Catholic), hoặc Anh Quốc Giáo (Anglicanism), hoặc Mỹ Quốc Thánh Công Hội (Episcopal). Vu Bản (1901-1978), quê ở huyện Lan Tây, tỉnh Hắc Long Giang, về sau trở thành Hồng Y của Đài Loan, từng vâng lệnh giáo hoàng John XXIII sáng lập đại học Phụ Nhân, đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng, lập trường đào tạo y tá hộ sản. Ông được phong Hồng Y vào năm 1969 sau khi vị tiền nhiệm là Điền Canh Tân qua đời, trở thành vị Hồng Y người Hoa thứ hai được phong chức này. Do người Hoa dịch danh từ Cardinal (Hồng Y) thành Khu Cơ (樞機: then chốt), nên các sách vở viết về ông thường ghi là Vu Bản Khu Cơ. Như vậy, hội nghị của Thang Ân Tỷ phải được tiến hành vài năm sau Thế Chiến thứ hai khi thế giới đang rối ren về vấn đề ý thức hệ, và lúc đó, Vu Bản vẫn còn là Giám Mục, chứ chưa phải là Hồng Y.

đại học Phụ Nhân. Nhiều năm trước, họ có mời tôi đến giảng về đời sống tinh thần Phật giáo. Tôi cùng các linh mục, nữ tu (soeur, sister) rất thuận thảo.

“Ngộ chứng Nhất Thể Tam Bảo, thị nhập lý ích dã” (Ngộ chứng Nhất Thể Tam Bảo là lợi ích “nhập Lý”). “Ngộ chứng Nhất Thể Tam Bảo” là thành Phật. Đây chính là mục tiêu cuối cùng, điều này cần phải thật sự ngộ nhập pháp giới là một Thể, trong Phật môn gọi là “thành Phật”, tức là thành tựu trí huệ viên mãn, không thiếu khuyết mảy may nào!

(Kinh) Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Giải) Trùng trùng kết thị, linh thâm tín nhất thiết trang nghiêm, giai đạo sư nguyện hạnh sở thành, Chứng Trí sở hiện, giai ngộ nhân tịnh nghiệp sở cảm. Duy Thức sở biến, Phật tâm, sanh tâm, hỷ vi ảnh chất. Như chúng đấng minh, các biến tự nhất. Toàn Lý thành Sự, toàn Sự tức Lý, toàn Tánh khởi Tu, toàn Tu tại Tánh, diệc khả thâm trường tư hỷ.

(經)舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。

(解)重重結示。令深信一切莊嚴。皆導師願行所成。種智所現。皆吾人淨業所感。唯識所變。佛心。生心。互為影質。如眾燈明。各遍似一。全理成事。全事即理。全性起修。全修在性。亦可深長思矣。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó.

Giải: Nhiều phen kết lại lời dạy, nhằm làm cho [người nghe kinh] tin tưởng sâu xa rằng hết thấy các sự trang nghiêm đều là do nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành, do Chứng Trí hiện ra, đều là do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm. Chỉ do Thức biến, tâm Phật và tâm chúng sanh làm bản chất và hình bóng cho nhau. Như ánh sáng của các ngọn đèn, ánh sáng của mỗi ngọn đều trọn khắp giống như chỉ có một ngọn đèn. Toàn thể Lý biến thành Sự, toàn thể Sự tức là Lý, dùng toàn thể Tánh để tu tập, hoàn toàn tu hành nơi Tánh, cũng nên suy nghĩ sâu xa điều này vậy).

Trong nhà Phật, danh xưng “đạo sư” (bậc thầy chỉ đường) nhằm tôn xưng đức Phật, còn gọi là Bổn Sư; ở đây, [chữ “đạo sư”] chỉ A Di Đà Phật. Hết thấy sự trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc là do đại nguyện đại hạnh của A Di Đà Phật thành tựu. “Chứng Trí sở hiện”: Nói rõ nguyên do có thành tựu vĩ đại như vậy chính là do [Nhất Thiết] Chứng Trí hiện ra. Phật pháp nói có ba loại trí: Thứ nhất là Nhất Thiết Trí, thứ hai là Đạo Chứng Trí, thứ ba là Nhất Thiết Chứng Trí. Nhất Thiết Trí là biết bản thể của vạn pháp trong vũ trụ, Thể là không, Tướng là có. Chữ Chứng trong Đạo Chứng Trí có nghĩa là “các thứ” hiện tượng vô lượng

vô biên, Đạo là đạo lý. Vạn hữu trong vũ trụ, sâm la vạn tượng, phát sanh theo đạo lý nào, quá trình phát triển của chúng như thế nào, hoàn toàn hiểu rõ chánh xác những sự ấy thì là Đạo Chứng Trí. Đạo Chứng Trí là biết Hữu. Loại thứ ba viên mãn nhất là Nhất Thiết Chứng Trí. Hai loại trí trước đó mà đạt đến rốt ráo viên mãn thì gọi là Nhất Thiết Chứng Trí. Như vậy, hết thảy sự trang nghiêm ấy chính là do trí huệ rốt ráo viên mãn nơi quả địa Như Lai tạo thành, mà cũng là do Nhất Thiết Chứng Trí của A Di Đà Phật hiện ra. “*Giai ngô nhân tịnh nghiệp sở cảm, duy thức sở biến*” (đều do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm, chỉ là do thức biến): Thế giới Cực Lạc do A Di Đà Phật tạo ra, sau khi chúng ta đến đó cũng sẽ tăng thêm một phần rực rỡ cho A Di Đà Phật, vì tâm tánh của chúng ta và tâm tánh của A Di Đà Phật là một chứ không phải hai. Vì thế gọi là “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. A Di Đà Phật đã hết phiền não, trí huệ trọn đủ; tuy chúng ta là phàm phu, nhưng ngày nay tu bằng cái tâm thanh tịnh, hễ tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Do vậy, “giác, chánh, tịnh” là ba cửa ngõ trong Phật giáo. Thiền Tông do cửa Giác mà vào, ắt phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới được kể là có thành tựu. Các tông phái ngoài Thiền Tông được gọi là Giáo Hạ, từ chánh tri chánh kiến mà tu tập, nương theo lý luận và phương pháp trong kinh luận để sửa đổi cách nhìn và cách nghĩ sai lầm của chính mình đối với vũ trụ, nhân sinh. Giáo Hạ do cửa Chánh mà vào. Tịnh Tông và Mật Tông là dùng tâm thanh tịnh để tu tập, do cửa Tịnh mà vào. Đây chính là một nhưng mà ba, tuy ba mà một. Hễ đạt được một thứ thì hai thứ kia cũng đều đạt được.

Người tu Tịnh Độ chú trọng tâm thanh tịnh nên sự tu tập của họ được gọi là “tịnh nghiệp”. Tịnh Tông chỉ có một câu Phật hiệu, ngoài câu ấy ra, không có gì cả. Kể đến là Trợ Duyên, niệm niệm tuyệt đối chẳng nghĩ đến chính mình. Trên thực tế, không có chính mình, hết thảy vô thường. Không chỉ vật ngoài thân chẳng có được thứ gì, mà ngay cả thân thể của chính mình cũng chẳng thể được. Do vậy, khởi tâm động niệm, hết thảy hành vi đều vì đại chúng, dùng hết thảy năng lực giúp đỡ đại chúng lìa khổ được vui. Nếu vì chính mình, ắt sẽ có được, mất, thành, bại; hễ có lòng mong muốn, ắt có phiền não. Làm như vậy, tuy chẳng thể vĩ đại bằng A Di Đà Phật, nhưng nguyện hạnh của chúng ta là vì hết thảy chúng sanh, khí phận tương tự như A Di Đà Phật, quả thật là do Tịnh nghiệp cảm thành. Đương nhiên, Tây Phương thế giới được tạo thành bởi các nguyện của A Di Đà Phật, do Chứng Trí hiện, nhưng cũng có quan hệ mật thiết với chúng ta. A Di Đà Phật là do Chứng Trí hiện, còn chúng ta là do Thức biến. Khi mê thì gọi là Thức, hễ ngộ thì Thức biến thành Trí.

“*Phật tâm, sanh tâm, hõ vi ảnh chất*” (Tâm Phật và tâm chúng sanh làm bản chất và hình bóng cho nhau): Điều này được gọi là “cảm ứng đạo giao”. Phật tâm là Trí viên mãn. Tuy tâm chúng ta là Thức, nhưng đã bắt đầu giác ngộ, chứ không hoàn toàn là Thức. Lại còn hoan hỷ tiếp nhận pháp môn Niệm Phật, tuy chưa hoàn toàn biến thành Trí. Trí của Phật là bản chất, còn Trí của chúng ta còn kèm theo Thức thì là “ảnh” (bóng dáng), giống như bóng dáng của ngọn đèn. Ví như nhiều ngọn đèn thấp trong cùng một căn phòng, chiếu sáng lẫn nhau. Quang minh

của A Di Đà Phật chiếu khắp pháp giới, một tí ánh sáng như đom đóm của chúng ta cũng chiếu khắp pháp giới.

“Toàn thể Lý biến thành Sự, toàn thể Sự tức là Lý”: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới là Sự. Sự nhất định phải có Lý, Lý là tâm tánh, chỉ do Tâm biến, chỉ do Thức hiện. *“Chủng Trí sở hiện”* (do Chủng Trí hiện): Chủng Trí là chân tâm bản tánh, chứng đắc viên mãn chân tâm bản tánh thì là Chủng Trí, đó là Lý. *“Toàn thể Lý biến thành Sự”*: Biến thành y báo, chánh báo trang nghiêm, sáu trần thuyết pháp trong Tây Phương thế giới. *“Toàn thể Sự tức là Lý”*, thay đổi chữ thì Lý là Tánh, Sự là Tướng. Toàn thể Tánh chính là Tướng, toàn thể Tướng chính là Tánh, Tánh và Tướng không hai, Lý và Sự giống hết nhau. Đây chính là điều được hiện bởi Nhất Thiết Chủng Trí.

“Toàn thể Tánh khởi Tu, hoàn toàn Tu nơi Tánh”: Hiện thời Chánh Trợ Song Tu chính là dựa trên lý luận trong hai câu nói này, dùng phương pháp Niệm Phật để tu “giác, chánh, tịnh”, lấy tịnh làm chủ. Một nhưng ba, ba nhưng một. Dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành giúp đỡ hết thấy chúng sanh, xử thế, đãi người, tiếp vật chân thành, cung kính là Trợ Tu. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, xử thế, đãi người, tiếp vật đều là Tánh Đức lưu lộ ra bên ngoài. Cuối cùng, Tổ bảo chúng hãy suy nghĩ sâu xa, cặn kẽ [những điều Ngài vừa giảng].

(Giải) Nại hà, ly thử Tịnh Độ, biệt đàm duy tâm Tịnh Độ, cam đoạ thử tức điều không chi tiểu dã tai. Sơ y báo diệu cánh.

(解) 奈何。離此淨土。別譚唯心淨土。甘墮鼠即鳥空之謔也哉。初依報妙竟。

(Giải: Hiềm rằng, lìa khỏi cõi Tịnh Độ này thì đừng bàn đến “duy tâm Tịnh Độ” nữa, cam lòng bị chê cười là “thử tức, điều không”¹⁵ vậy thay! Phần thứ nhất [trong Chánh Tông Phần] giảng về sự mâu nhiệm nơi y báo đến đây là hết).

Đây chính là lời đại sư cảm thán. Trong nhà Phật có những kẻ chẳng biết chân tướng sự thật. Đối với “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà” hoàn toàn chẳng mường gì, chỉ hiểu biết nửa vời, ham cao chuộng xa, ném niệm Phật cầu sanh Tây Phương qua một bên, chẳng chịu sốt sắng tu học mà chỉ bàn xuông “duy tâm Tịnh Độ”, cam lòng đoạ lạc. Câu ví “giống như chuột rúc”, tỷ dụ chẳng biết Diệu Hữu; chim kêu trên không, tỷ dụ chẳng biết diệu lý Chân Không, đều

¹⁵ “Thử tức, điều không” là thành ngữ chế giễu kẻ học Phật không hiểu biết hoặc chỉ thích bàn xuông, nghe nói: “Phật tức tâm, tâm tức Phật” thì cũng cứ lập lại “tức tức” giống như tiếng chuột kêu “tức tức” (chữ Tức (𪛗) có âm Quan Thoại jí, khá giống với tiếng chuột kêu chút chút), mà chẳng hiểu “tức tức” là gì. Lại nghe nói: “Vạn pháp là không” thì cũng nói: “Không, không” giống như tiếng chim kêu trên không trung, mà chẳng hiểu “không không” là gì.

là hạng chẳng thấu hiểu sát sao thực tế. Chữ Tiếu (誚) đọc giống như âm Khiếu (窵)¹⁶, có nghĩa là chê cười.

(Kinh) Xá Lợi Phát! Ư như ý vân hà? Bỉ Phật hà cố, hiệu A Di Đà?

(Giải) Thử kinh đích thị trì danh diệu hạnh, cố đặc trưng thích danh hiệu, dục nhân thâm tín, vạn đức hồng danh bất khả tư nghị, nhất tâm chấp trì, vô phục nghi nhị dã. A Di Đà, chánh phiên “vô lượng”, bốn bất khả thuyết. Bốn Sư dĩ Quang, Thọ nhị nghĩa, thâm tận nhất thiết vô lượng. Quang tác hoành biến thập phương, Thọ tác thụ cùng tam tế. Hoành thụ giao triệt, tức Pháp Giới Thể. Cử thử Thể tác Di Đà thân độ, diệt tức cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu. Trì cố, Di Đà danh hiệu, tức chúng sanh bốn giác lý tánh. Trì danh, tức Thử Giác hợp Bốn. Thử Bốn bất nhị, sanh Phật bất nhị. Cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật dã.

(經)舍利弗。於汝意云何。彼佛何故。號阿彌陀。

(解) 此經的示持名妙行。故特徵釋名號。欲人深信。萬德洪名。不可思議。一心執持。無復疑貳也。阿彌陀。正翻無量。本不可說。本師以光壽二義。收盡一切無量。光則橫遍十方。壽則豎窮三際。橫豎交徹。即法界體。舉此體作彌陀身上。亦即舉此體作彌陀名號。是故彌陀名號。即眾生本覺理性。持名。即始覺合本。始本不二。生佛不二。故一念相應一念佛。念念相應念念佛也。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Ý ông nghĩ sao? Vì sao đức Phật ấy hiệu là A Di Đà?

Giải: Đây là kinh nêu bày đích xác diệu hạnh trì danh, nên đặc biệt gạn hỏi và giải thích danh hiệu, muốn cho người ta tin tưởng sâu xa vào vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn, một lòng chấp trì không còn nghi ngờ. A Di Đà Phật, dịch đúng nghĩa là “vô lượng”, vốn chẳng thể nói được. Bốn Sư [Thích Ca Mâu Ni Phật] dùng hai nghĩa Quang và Thọ để gồm thâm trọn hết thảy những điều vô lượng. Quang theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc cùng tột ba đời. Ngang dọc đan xen vào nhau thấu suốt cùng tận, đây chính là Thể của pháp giới. Nêu ra cái Thể này để làm thân và cõi nước của A Di Đà Phật, mà cũng là nêu ra cái Thể nhằm tạo nên danh hiệu A Di Đà. Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là Bốn Giác lý tánh của chúng sanh. Trì danh chính là Thử Giác hợp với Bốn Giác. Thử Giác và Bốn Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật).

¹⁶ Hai chữ này đọc theo âm Quan Thoại đều là Qiào.

Trong kinh này, đức Phật đặc biệt chỉ dạy diệm hạnh trì danh cho chúng sanh, nên nêu ra [câu hỏi] danh hiệu A Di Đà Phật rốt ráo mâu nhiệm ở chỗ nào?

1) Thứ nhất, chỉ cần niệm một câu Phật hiệu, hết sức đơn giản. Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có pháp nào dễ dàng như vậy. Một câu Phật hiệu có thể làm cho con người vượt thoát tam giới, liễu sanh tử, ra khỏi luân hồi theo chiều ngang, giải quyết xong chuyện sanh tử, thoát luân hồi.

2) Thứ hai, kinh này và kinh Vô Lượng Thọ đều nói: Lâm chung mười niệm hay một niệm đều được vãng sanh. Đây chính là chỗ kỳ diệu hết sức thù thắng.

3) Thứ ba, chỉ cần vãng sanh thì liền viên chứng ba thứ Bất Thoái. Nếu chỉ nói đến ba thứ Bất Thoái thì chính là bậc Bồ Tát Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc bậc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái thì nếu không là Đẳng Giác Bồ Tát thì cũng phải là Pháp Vân Địa Bồ Tát (Thập Địa Bồ Tát trong Viên Giáo). Người tu hành thông thường để đạt đến địa vị này, nếu tính từ lúc chứng được Sơ Quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa thì phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể viên chứng ba thứ Bất Thoái. Điều này (tức hành nhân đối nghiệp vãng sanh Tịnh Độ liền viên chứng ba thứ Bất Thoái) thật khó tin. Nếu hỏi vì sao chỉ niệm Phật mấy tiếng lại có thể viên chứng ba thứ Bất Thoái? Câu trả lời là: Do danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! [Đức Phật gạn hỏi rồi giải thích ý nghĩa danh hiệu A Di Đà Phật] là muốn làm cho con người tin tưởng sâu vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn rồi nhất tâm chấp trì, không còn nghi ngờ nữa. Trong một đời này, chúng ta may mắn gặp được pháp môn này, nhưng có được vãng sanh hay không, mấu chốt là có thể nghiêm túc tuân thủ lời răn dạy “nhất tâm trì danh, không còn nghi ngờ” hay không. Nếu làm được như vậy thì không một ai chẳng vãng sanh!

A Di Đà (Amitābha) là tiếng Phạn, dịch nghĩa chánh yếu là Vô Lượng. A dịch là Vô, Di Đà (Mitā) dịch là Lượng. Vô lượng vốn chẳng thể nói được. Phật Thích Ca dùng hai nghĩa Quang và Thọ để thâm tóm trọn hết thầy vô lượng. Đức Phật chỉ nói hai thứ: “*Quang thì theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ thì chiều dọc tốt cùng ba đời*”. Điều này giống như hiện thời ta nói là “không gian và thời gian”, nhưng hai chữ Quang và Thọ hay hơn chữ thời gian và không gian, nhất là chữ Thọ. Trong hết thầy vô lượng, Thọ là bậc nhất. Nếu có vô lượng của cải, tài sản, nhưng không có thọ mạng thì của cải, tài sản cũng thành vô ích. Toàn thể vũ trụ chính là Pháp Giới Thể, hai chữ Quang và Thọ đủ để đại diện [cho toàn thể vũ trụ]. Từ đây, ta có thể thấu hiểu sự vĩ đại của Tây Phương Cực Lạc thế giới: Thân và cõi chẳng hai, Sắc và Tâm giống hệt như một. A Di Đà nương vào toàn thể pháp giới mà khởi. **Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm toàn thể pháp giới.** Có những đồng tu hỏi tôi: “Trước nay, con từng niệm chú Đại Bi, Tâm Kinh, phẩm Phổ Môn, và mười chú nhỏ¹⁷. Nếu bây giờ chuyên

¹⁷ Thập Tiểu Chú là mười bài chú sau chú Lăng Nghiêm và chú Đại Bi trong khóa tụng công phu sáng trong Thiên Môn Nhật Tụng, gồm Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni, Tiêu Tai Cát Tường Thần Chú, Công Đức Bảo Sơn Thần Chú, Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú, Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni, Dược Sư Quán Đảnh Chân Ngôn, Quán

niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, há các vị Bồ Tát khác chẳng trách tội ư?” Thứ tâm thái này chính là xem chư Bồ Tát như phạm phu, quả thật đại bất kính! Hiện thời chúng ta hiểu rõ, một câu Phật hiệu vốn không gì chẳng bao gồm. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tình và vô tình, cùng viên mãn Chứng Trí”*. Chúng sanh và Phật có cùng một Lý Tánh, Lý là Lý Thể, Tánh là Chân Như bản tánh. Lý Thể chính là toàn thể pháp giới mà cũng là A Di Đà Phật, cũng là chư Phật Như Lai, cũng là hết thảy chúng sanh, cũng là chính bản thân ta. Sự thật đúng thực, niệm một câu Phật hiệu cũng chính là niệm Chân Như bản tánh của chính mình. Bất luận kinh chú nào cũng đều nằm trong một câu Phật hiệu.

“Trì danh, tức Thi Giác hợp Bản” (Trì danh chính là Thi Giác hợp với Bản Giác): Khởi lên một niệm, niệm A Di Đà Phật chính là Thi Giác. Một câu danh hiệu A Di Đà Phật chính là Bản Giác. Bản Giác chính là Chân Như bản tánh. Thi Giác hợp với Bản Giác chính là chân thật tu hành.

“Thi Bản bất nhị, sanh Phật bất nhị, cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật” (Thi Giác và Bản Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai, nên một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật). *“Tương ứng”* là tương ứng với Lý, tương ứng với sự thật, tương ứng với toàn thể pháp giới. Đức hiệu của toàn thể pháp giới là A Di Đà Phật, niệm niệm lay tỉnh chính mình *“hãy hợp làm một với pháp giới, hợp làm một với hết thảy chư Phật Như Lai, hợp làm một với hết thảy chúng sanh”*. Đây là tương ứng.

Trong đoạn trước, có nói tới *“khí phận”*, chẳng hạn như A Di Đà Phật từ bi, tâm địa của chúng ta cũng từ bi, liền tương ứng với khí phận từ bi của A Di Đà Phật. Hôm nay, qua đoạn kinh văn này, ta thật sự hiểu rõ, quý vị tương ứng với khí phận của A Di Đà Phật. Do Thi Giác và Bản Giác chẳng hai, Tánh và Tướng như một, chúng sanh và Phật chẳng hai, Lý và Sự như một, nên khi niệm Phật, thấu hiểu, khế nhập cảnh giới này thì gọi là *“đã đạt được khí phận của Phật”*. Nếu hiểu rõ Lý thì nghi hoặc sẽ đoạn, đây là chân tín, so với chánh tín lại cao hơn một tầng. Đây là khế nhập khí phận của Phật.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà Phật.

(經)舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號為阿彌陀。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước không bị chướng ngại. Do vậy, Ngài có hiệu là A Di Đà Phật).

Âm Linh Cảm Chân Ngôn, Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn, Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú, và Thiện Nữ Thiên Chú.

Hai đoạn kinh văn tiếp theo là từ trong hết thấy vô lượng, nêu ra hai món cương lĩnh, một là Quang, hai là Thọ. Quang minh là trí huệ, mà cũng là vô lượng trí huệ vốn có sẵn trong tự tánh. Đức Phật tiêu trừ sạch sành sanh hết thấy nghiệp chướng, cho nên tánh đức tỏ lộ viên mãn. Trên mặt Tướng, chính là quang minh chiếu khắp tốt hư không, trọn pháp giới, không đâu chẳng chiếu tới. Quang minh ấy có công năng gia trì nhiếp thọ, có thể giúp chúng ta trừ sạch nghiệp chướng, khơi mở trí huệ; nhưng chúng ta phải có Thi Giác thì mới được Phật gia trì. Nếu chẳng tương ứng trọn vẹn, dù Phật quang chiếu khắp, nhưng vì ta có chướng ngại, cự tuyệt, chê trách, nên chúng ta chẳng thể hưởng công năng gia trì của Phật. Nhất tâm xung niệm, nghiệp chướng nhất định ngày một tiêu trừ, trí huệ ngày một tăng trưởng, tâm địa thanh tịnh. Đây là một dạng tương ứng vậy.

(Giải) Tâm tánh tịch nhi thường chiếu, cố vi quang minh. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố quang minh vô lượng dã. Chư Phật giai triệt tánh thể, giai chiếu thập phương, giai khả danh Vô Lượng Quang, nhi nhân trung nguyện lực bất đồng, tùy nhân duyên lập biệt danh. Di Đà vi Pháp Tạng tỳ-kheo, phát tứ thập bát nguyện, hữu “quang minh hằng chiếu thập phương” chi nguyện. Kim quả thành như nguyện dã. Pháp Thân quang minh vô phân tế. Báo Thân quang minh xướng chân tánh. Thử tác Phật Phật đạo đồng. Ứng Thân quang minh hữu chiếu nhất do-tuần giả, thập, bách, thiên do-tuần giả, nhất thế giới, thập, bách, thiên thế giới giả. Duy A Di phổ chiếu, cố biệt danh Vô Lượng Quang. Nhiên tam thân bất nhất bất dị, vị linh chúng sanh đắc tứ ích, cố tác thử phân biệt nhĩ. Đương tri vô chướng ngại, ước nhân dân ngôn. Do chúng sanh dữ Phật duyên thâm, cố Phật quang đáo xứ. Nhất thiết thế gian, vô bất viên kiến dã.

(解)心性寂而常照。故為光明。今徹證心性無量之體。故光明無量也。諸佛皆徹性體。皆照十方。皆可名無量光。而因中願力不同。隨因緣立別名。彌陀為法藏比丘。發四十八願。有光明恆照十方之願。今果成如願也。法身光明無分際。報身光明稱真性。此則佛佛道同。應身光明。有照一由旬者。十百千由旬者。一世界。十百千世界者。唯阿彌普照。故別名無量光。然三身不一不異。為令眾生得四益。故作此分別耳。當知無障礙。約人民言。由眾生與佛緣深。故佛光到處。一切世間。無不圓見也。

(Giải: Tâm tánh tịch mà thường chiếu nên gọi là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh nên quang minh vô lượng. Chư Phật đều chứng thấu triệt tánh thể, [quang minh] đều chiếu mười phương, đều có thể gọi là Vô Lượng Quang. Nhưng trong lúc tu nhân nguyện lực khác nhau, tùy theo nhân duyên mà lập danh hiệu sai khác. A Di Đà Phật khi còn là tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, trong số ấy có nguyện “quang minh luôn chiếu mười phương”. Nay thật sự thành tựu đúng như lời nguyện. Pháp Thân quang minh không ngăn mé. Báo Thân quang minh xướng hợp chân tánh. Đây

chính là điều chư Phật vị nào cũng giống nhau. Quang minh nơi Ứng Thân thì có vị chiếu một do-tuần, mười, trăm, ngàn do-tuần, một thế giới, trăm, mười, ngàn thế giới, chỉ có A Di Đà Phật quang minh chiếu trọn khắp, nên đặc biệt có tên là Vô Lượng Quang. Nhưng ba thân chẳng một, chẳng khác, nhằm làm cho chúng sanh đạt được bốn thứ lợi ích nên phân biệt như vậy mà thôi! Hãy nên biết rằng: “Không chướng ngại” là dựa theo phía nhân dân mà nói. Do chúng sanh có duyên sâu với Phật nên Phật quang chiếu khắp mọi nơi, hết thấy thế gian không đâu chẳng thấy trọn vẹn).

Tâm tánh vốn tịch tĩnh, tịch là Định, “tĩnh” nghĩa là thanh tịnh, tác dụng của nó là Chiếu. Luận trên bốn tánh thì hết thấy chư Phật Như Lai đều đạt đến tịch tĩnh viên mãn rốt ráo. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Phá được một phẩm vô minh này rồi thì sẽ gọi là “tịch tĩnh”. Tịch tĩnh là cảnh giới trên quả địa của Như Lai, cũng chia thành ba phẩm Thượng, Trung, Hạ. Thượng Phẩm là chân thanh tịnh, là cảnh giới của Phật, chẳng nhiễm mảy trần. Trung Phẩm là Đẳng Giác Bồ Tát, còn có một phẩm vô minh. Hạ Phẩm là Pháp Vân Địa Bồ Tát, còn có hai phẩm vô minh. Thượng Phẩm hoàn toàn thanh tịnh, quang minh viên mãn chiếu trọn khắp, chứng thấu triệt bản thể vô lượng của tâm tánh. Nếu xét theo kinh Nhân Vương giảng về địa vị Ngũ Nhẫn của Bồ Tát thì Thượng Phẩm là Tịch Diệt Nhẫn, khởi ra đại dụng là quang minh vô lượng chiếu trọn khắp mười phương. Quang minh của đức Phật đã chiếu khắp mười phương nhưng vì sao ta chẳng hề cảm nhận thấy? Vấn đề này chẳng phải do lỗi Phật, mà là do chính mình. Trong ấy, chẳng tin là chướng ngại lớn nhất! Hoàn toàn mê hoặc chân tướng sự thật, dấu đại thánh đại hiền đã giảng giải vẫn chẳng tiếp nhận. Nếu tin sâu chẳng nghi, thật thà niệm Phật thì sẽ có thể tương ứng, mà cũng có thể tiếp nhận Phật lực gia trì.

Hết thấy chư Phật đều là vô lượng quang, vô lượng thọ. Khi tu nhân, mỗi vị học Phật có nguyện lực khác nhau, mục đích ở chỗ nào, mong sẽ đạt được gì trong tương lai, mỗi người cũng khác nhau. Trên quả địa, tuy đức năng, trí huệ hoàn toàn giống nhau, nhưng nhân duyên độ sanh khác nhau. Sự tu hành của hết thấy chư Phật khi đang tu nhân, trong các kinh Đại Tiêu Thừa, đức Phật đã nói quá nhiều. Nếu so sánh thì quả thật khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát nguyện khác biệt mọi người, chẳng những to lớn mà còn cụ thể. Ngài chẳng những mong thành Phật mà còn mong vượt trời chư Phật. Nói là “vượt trời” không phải là trí huệ, đức năng mà là vượt trời trong phương diện độ sanh.

“Tùy nhân duyên lập biệt danh” (Tùy theo nhân duyên mà lập danh hiệu sai khác): Danh hiệu của chư Phật cũng tùy theo nhân duyên mà có sai khác. Như trong trường học, vị thầy dạy môn Quốc Văn được gọi là thầy Quốc Văn. Thầy dạy Toán được gọi là thầy Toán. Do vậy, vô lượng, vô biên chư Phật, Bồ Tát có danh hiệu giống nhau. Khi A Di Đà Phật phát nguyện trong lúc tu nhân, Ngài từng nguyện “quang minh chiếu khắp” và nguyện “thọ mạng vô lượng”, nay Ngài đã thành Phật, nên bốn mươi tám nguyện đều viên mãn.

“*Pháp Thân quang minh vô phân tế, Báo Thân quang minh xúng chân tánh*” (Pháp Thân quang minh không ngăn mé, Báo Thân quang minh xúng hợp chân tánh): Hai điều này chư Phật đều giống nhau. Pháp Thân chính là chân tâm bản tánh, là Lý Thể của hết thầy pháp, vốn sẵn đầy đủ vô lượng vô biên trí huệ quang minh, hoàn toàn không phân biệt và chẳng có ngăn mé. Báo Thân là Tự Thọ Dụng Thân, vô lượng thọ, vô lượng quang, Phật nào cũng giống nhau. Phật dạy chúng ta tu hành chứng quả, không ngoài khôi phục tánh đức chính mình vốn sẵn có để thọ dụng mà thôi, hoàn toàn chẳng có gì khác, mà cũng chẳng thể có gì khác để ban cho chúng ta. Ứng Hóa Thân là Tha Thọ Dụng Thân, hết thầy chư Phật mỗi vị mỗi khác. Sai biệt, lớn nhỏ rất khác nhau. Điều này hoàn toàn là do duyên, chứ không phải là chư Phật có năng lực lớn hay nhỏ. Chẳng hạn như một người có học vị, có trí huệ viên mãn, dạy ở đại học thì gọi là giáo sư đại học, nhưng nếu vị ấy dạy tại trường tiểu học thì gọi là giáo viên tiểu học. Phật độ chúng sanh là do duyên, thế nào gọi là “duyên chín mươi”? Hễ ai thấy thấu suốt đời người là khổ, không, vô thường, mong chóng thoát lìa tam giới, có ý niệm chân thật, thiết tha ấy thì chư Phật đều thấy được, vị Phật nào có duyên với người ấy ắt sẽ hóa thân đến trước người ấy cứu độ. Nếu số người nhiều quá, cần phải giáo hóa trong một thời gian dài, Phật bèn dùng Ứng Thân để tới giáo hóa. Sau khi thành Phật, một vị Phật có phạm vi giáo hóa, gọi là một tam thiên đại thiên thế giới. Có nguyện lớn thì [phạm vi giáo hóa] có thể mở rộng đến nhiều đại thiên thế giới. Chỉ cần phát nguyện thì đều có thể thực hiện được. Riêng mình A Di Đà Phật phát nguyện khác hẳn. Trong lúc tu nhân, Ngài đã nhiếp thọ hai trăm mười ức các cõi nước Phật. Con số “hai mươi một” này là danh xưng nhằm biểu thị pháp trong Mật Tông, chẳng phải số đếm, mà có nghĩa là viên mãn. Như kinh Di Đà dùng số Bảy, kinh Hoa Nghiêm dùng số Mười, đều nhằm biểu thị pháp. Mật Tông thường dùng số Mười Sáu và Hai Mười Một; đủ thấy trong lúc tu nhân, tỳ-kheo Pháp Tạng đã kết duyên với chúng sanh tội hư không, trọn pháp giới, sâu rộng như thế. Thầy của Ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai giảng kinh thuyết pháp cho Ngài, giảng cho Ngài nghe y báo, chánh báo trang nghiêm, nhân quả thiện ác của mười phương các cõi Phật, lại còn dùng Phật thân lực, biến hiện mười phương các cõi nước cho tỳ-kheo Pháp Tạng đích thân trông thấy. Sau khi Ngài thành Phật, tất cả hết thầy cõi nước đều là khu vực giáo hóa của Ngài. Do vậy, hết thầy chư Phật trong mười phương thế giới đều khuyên chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ. Tam Thân Pháp, Báo, Ứng là một Thể, một nhưng ba, ba nhưng một, Pháp Thân là Bản Thể, Báo Thân là Tự Thọ Dụng, Ứng Hóa Thân là Tha Thọ Dụng, trong phần trước đã nói cặn kẽ!

“*Linh chúng sanh đắc tứ ích*” (khiến cho chúng sanh được bốn thứ lợi ích): “*Tứ ích*” ở đây chính là bốn món lợi ích Tất Đản trong phần trước, tức hoan hỷ, sanh thiện, phá ác và nhập Lý. Hiện thời, khoa học kỹ thuật tiến bộ, giúp cho chúng ta biết ánh sáng có nhiều loại, gọi là quang độ¹⁸, mắt [con người] có thể

¹⁸ Thông thường, chữ “quang độ” (luminosity) chỉ mức độ bức xạ của ánh sáng, được đo bằng đơn vị Watt. Vật Lý Học hiện thời quan niệm ánh sáng chính là sự bức xạ điện từ

thấy được những tia sáng với bước sóng (wavelength) hữu hạn, không thể thấy được những tia sáng với bước sóng dài, cũng không thể thấy được tia sáng với bước sóng ngắn. Phật quang là viên mãn, bất cứ bước sóng ánh sáng nào cũng đều có thể thấy được. Vì thế gọi là “*vô chướng ngại*”. Chúng sanh có duyên sâu với Phật, có thể đắc độ trong một đời. Những kẻ duyên cạn, [được Phật quang] giúp cho sâu thêm, kết duyên với kẻ vô duyên, ngẫu nhiên nghe được một tiếng A Di Đà Phật liền kết duyên. Chúng ta trong đời này may mắn gặp được Phật pháp, có duyên với Phật, lại dường như có duyên sâu đậm. Đã chín muồi hay chưa thì vẫn không dám nói, nhưng nếu muốn thành tựu trong đời này thì phải nỗ lực gắng công tín nguyện trì danh. Sở dĩ mọi người chẳng thể thấy được Phật quang mà cũng chẳng thấu hiểu công đức chân thật của Phật đều là do nghiệp chướng của chính mình sâu nặng nên chẳng thể hiểu thấu.

Phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng rất nhiều, trong kinh điển Đại Thừa đã nói các thứ pháp môn và cách tu trì, không gì chẳng giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, phương pháp hữu hiệu nhất không gì hơn Niệm Phật! Trong niên hiệu Càn Long đời Thanh, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh trước tác hết sức nhiều; trong bộ Quán Kinh Trục Chi, Sư đã nói người đời nghiệp nặng, tất cả kinh sám chẳng thể tiêu trừ thì đến cuối cùng dựa vào một câu Phật hiệu vẫn có thể tiêu trừ được. Chúng ta ngày nay nếu mong tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn phiền não, diệt tội nghiệp, chẳng cần phải cầu nơi kinh chú khác, niệm A Di Đà Phật là đủ rồi. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*niếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”, nương theo đó để hành sẽ liền có thể đạt được hiệu quả. Chỉ cần đạt được “*tịnh niệm tiếp nối*” thì tự nhiên sáu căn sẽ đều được nhiếp thọ.

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký **Phần 6 hết**

(electromagnetic radiation), gồm những hạt photon (quang tử) chuyển động theo đồ thị hình sin (sinusoidal graph) nên để phân loại ánh sáng, người ta dùng đơn vị đo độ dài, gọi là wavelength (người Hoa dịch chữ này thành “ba trường”, còn người Việt gọi là bước sóng), tức là khoảng cách giữa hai cực điểm (maximum) của đồ thị sóng. “Quang độ” được Hòa Thượng Tịnh Không nói ở đây chính là Ba Trường. Mắt con người chỉ thấy được những sóng ánh sáng có bước sóng từ 380 nanometres đến 760-780 nanometres (một nanometre là 1/1.000.000.000 mét). Những loại ánh sáng có bước sóng ngắn hơn 380 nanometres sẽ gọi là “ánh sáng có bước sóng ngắn”, còn những loại ánh sáng có bước sóng dài hơn 780 nanometres gọi là “ánh sáng có bước sóng dài”.